

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

KỶ NIỆM 73 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

(22/12/1944 - 22/12/2017)

VÀ 28 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

(22/12/1989 - 22/12/2017)



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ thiên tài của nhân dân Việt Nam, là người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang cách mạng. Người đã trực tiếp sáng lập, tổ chức, giáo dục và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam.

Với tầm nhìn chiến lược và nhạy bén, ngay từ những năm 1920, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tích cực chuẩn bị cho sự ra đời của một quân đội cách mạng. Người trực tiếp mở các lớp đào tạo cán bộ, lựa chọn các học viên đi học ở Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Đồng thời, viết, xuất bản nhiều sách, báo về lĩnh vực quân sự. Giữa năm 1940, Người đã giới thiệu đồng chí Võ Nguyên Giáp đi học Trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An và căn dặn “cố gắng học thêm quân sự”.



Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành lập.

Sau 30 năm bôn ba khắp năm châu, bốn bể tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà

Quảng (Cao Bằng) trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam và xây dựng Cao Bằng thành căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người vẫn tiếp tục cử đồng chí Võ Nguyên Giáp ở lại Trung Quốc học tập “Chú Văn (tên gọi khác của Đại tướng Võ Nguyên Giáp) phải chú trọng thêm quân sự”.

Tại Pác Bó, từ ngày 10 - 19/5/1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ VIII quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chuẩn bị tranh thủ thời cơ đi từ “khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương” để “mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn giành chính quyền trong cả nước”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh quan sát đồn Đông Khê tại Chiến dịch Biên giới 1950.

Tháng 10/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ cho các đồng chí Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm có nhiệm vụ phối hợp với nhau cùng mở lớp huấn luyện quân sự tập trung đầu tiên tại Pác Bó để tiến tới thành lập đội vũ trang cách mạng.

Người trực tiếp tham gia huấn luyện cho các đội viên. Để có tài liệu giảng dạy, Người đã biên soạn các tài liệu quân sự quan trọng như: “Mười điều kỷ luật”; “Cách đánh du kích”; “Những hiểu biết cơ bản về quân sự”; “Kinh nghiệm du kích Nga”...

Được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo, lực lượng cách mạng phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ. Từ việc xây dựng đội quân chính trị của quần chúng, giác ngộ về đường lối cứu nước giải phóng dân tộc, từ các đội du kích vũ trang bảo vệ cơ sở, chống cướp phá của địch, lực lượng vũ trang tập trung dần dần hình thành. Đặc biệt, căn cứ địa Cao Bằng đã mở nhiều lớp huấn luyện quân sự về lý luận chiến tranh giải phóng, về cách đánh du kích đã trang bị cho lớp cán bộ đầu tiên của Quân đội ta những kiến thức quân sự cơ bản.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đơn vị “quyết tử” của Hà Nội đầu năm 1947.

Giữa năm 1944, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến nhanh chóng. Tháng 8/1944, Trung ương Đảng kêu gọi nhân dân “Cầm vũ khí, đuổi thù chung”. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi sục khắp nơi. Cuối năm 1944, nhân dân vùng Cao - Bắc - Lạng sẵn sàng hưởng ứng khởi nghĩa. Lãnh tụ Hồ Chí

Minh chỉ rõ: “Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới... Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay, chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp nghiên cứu phương án tác chiến chiến dịch Biên giới, năm 1950.

“Hình thức thích hợp” lúc bấy giờ, theo lãnh tụ Hồ Chí Minh là thành lập đội quân giải phóng - đội quân chủ lực đầu tiên - Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (VNTTGPK). Trong Chỉ thị thành lập Đội do Người soạn thảo, Người nói rõ: “Tên **Đội VNTTGPK** nghĩa là **chính trị trọng hơn quân sự**”, nguyên tắc tổ chức lực lượng là “**sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những đội du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực**”, về chiến thuật “**vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung**”.

Người bày tỏ sự tin tưởng: “**Đội VNTTGPK là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ,**

nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta". Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức lãnh đạo và tuyên bố thành lập đội.

Thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Quảng Ba cùng Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp bàn, tích cực khẩn trương chuẩn bị việc chọn người và tập trung vũ khí, thống nhất kế hoạch tổ chức cụ thể.



Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn thị cho một đơn vị bộ đội trong chiến dịch Cao - Bắc - Lạng tại hang Nhị Thanh - tỉnh Lạng Sơn năm 1950.

Ngày 22/12/1944, Lễ thành lập Đội VNTTGPK được cử hành trọng thể tại triền núi Dền Sinh, nhánh núi Slam Cao thuộc dải Khau Giáng (rừng Trần Hưng Đạo), tổng Hoàng Hoa Thám (xã Tam Kim), châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tham dự buổi lễ có đại biểu Liên Tỉnh ủy Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn, đại diện các đoàn thể Cứu quốc và đại biểu tiêu biểu đại diện cho nhân dân các dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Mông của châu Nguyên Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn. Đội

gồm 34 chiến sĩ với 34 khẩu súng các loại, có chỉ bộ Đảng lãnh đạo, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Trong số 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội có 25 chiến sĩ là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng (trong đó, đồng chí Xích Thắng tức Dương Mạc Thạch làm Chính trị viên).



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với các chiến sỹ Đại đoàn Quân Tiên Phong trên đường về tiếp quản thủ đô tại đền Giếng, Đền Hùng, Phú Thọ, ngày 19/9/1954.

Từ đội quân chủ lực đầu tiên, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã không ngừng phát triển, thể hiện đội quân vững vàng về chính trị, tài giỏi về quân sự, chiến đấu và chiến thắng trong Cách mạng Tháng Tám, trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược. Đó là Đội quân Anh hùng của Dân tộc Anh hùng. Quá trình hình thành, phát triển của Quân đội Nhân dân Việt Nam gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh nên Quân đội ta đã được nhân dân gọi với cái tên rất thân mật nhưng cũng rất đỗi tự hào “*Bộ đội Cụ Hồ*”.

Thái Bình /
<http://www.baonghean.vn>

22/12/1944: THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM, NGÀY QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Quân đội nhân dân Việt Nam là con đẻ của phong trào cách mạng và nhân dân.

Trong cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931), cuộc tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng nước ta, đã xuất hiện lực lượng vũ trang nhân dân. Từ những cuộc biểu tình lưu huyết của công nông Vinh-Bến Thủy đã xuất hiện những đội tự vệ, những đội xích vệ đỏ đầu tiên. Chính những xích vệ ấy đã đi đầu trong việc bảo vệ các làng đỏ trong quá trình tồn tại Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Lực lượng vũ trang nhân dân hình thành rõ nét hơn trong thời kỳ vận động trực tiếp cho thắng lợi của các mạng Tháng Tám (1939-1945). Trong thời kỳ khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940) Đảng ta đã xây dựng đội du kích Bắc Sơn. Ngày 14.2.1941, Đội du kích Bắc Sơn được chính thức thành lập ở khu rừng Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ, châu Bắc Sơn (Lạng Sơn). Đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng công nhận và giao nhiệm vụ cho đội. Đội có 32 người chia ra 3 tiểu đội do đồng chí Lương Văn Chi và Chu Văn Tấn chỉ huy. Vũ khí chỉ có 5 khẩu súng trường, còn toàn súng kíp và dao găm.

Sau hội nghị Trung lần thứ 8 (5-1941), đồng chí Phùng Chí Kiên, được cử phụ trách khu căn cứ Bắc Sơn, Võ Nhai. Đội du kích Bắc Sơn được mang tên mới là Cứu quốc quân cho phù hợp với nhiệm vụ cứu nước trước mắt. Cũng lúc ấy, ở Nam Bộ, đội du kích Nam Kỳ đã xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23.11.1940)

Cùng với nhân dân các dân tộc Bắc Sơn-Võ Nhai, Cứu quốc quân đương đầu với cuộc càn quét của 4.000 quân Pháp, khổ xanh, khổ đỏ và lính đồng. Các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lương Văn Chi hy sinh. Hàng chục đội viên khác của đội bị sát hại, bị xử bắn ngay ở chân đồn Mỏ Nhai. Nhưng dưới dự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Quốc Việt, ngày 15.9.1941, trung đội Cứu quốc quân 2 được thành lập tại khu rừng Khuôn Mánh, thôn Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá (Võ Nhai) với 47 chiến sĩ (có 3 nữ) do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy.



Ngày 22/12/1944, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, 34 cán bộ, chiến sĩ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã long trọng tuyên đọc Mười lời thề danh dự

Trong 8 tháng đánh du kích ở Tràng Xá (7-1941 đến 2-1942). Cứu quốc quân bám đất, bám dân chiến đấu, lực lượng ngày càng lớn mạnh, từ 47 chiến sĩ đã tăng lên 70, vũ khí ngày càng tốt hơn do cướp được của địch khiến chúng phải gọi Cứu quốc quân là "hùm xám Bắc Sơn".

Cũng lúc đó, ở Pác Bó (Cao Bằng) Hồ Chủ tịch chỉ thị thành lập đội du kích Cao Bằng-nơi có phong trào Việt Minh

khá nhất-gồm 12 chiến sĩ do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy. Để chuẩn bị về lý luận cho công tác xây dựng lực lượng vũ trang, Người đã viết các tác phẩm như: cách đánh du kích, phép dùng binh của Tôn Tử.

Lực lượng Cứu quốc quân tiếp tục phát triển. Ngày 25.2.1944, trung đội Cứu quốc quan 3 thành lập ở Khuổi Kịch châu Sơn Dương (Tuyên Quang). Tháng 10-1944. Đội được bổ sung một lực lượng quan trọng sau cuộc vượt ngục của 12 đồng chí cán bộ Đảng ở nhà lao Chợ Chu, trong đó có các đồng chí Song Hào, Lê Hiếu Mai...

Sau hơn một năm bị bọn Tưởng Giới Thạch giam giữ trái phép ở Quảng Tây (Trung Quốc), Hồ Chủ tịch về lại Cao Bằng, kịp thời hoãn lệnh khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy Cao Bắc-Lạng, vì đây là thời kỳ "hòa bình phát triển đã qua nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới".

Ngày 22.12.1944, theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại một khu rừng nằm giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, Cao Bằng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được Hồ Chủ tịch ủy nhiệm lãnh đạo, đội biên chế thành 3 tiểu đội do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng và đồng chí Xích Thắng làm chính trị viên.

Mười lời thề danh dự của đội viên Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Chúng tôi đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, xin lấy danh dự của một người chiến sĩ cứu quốc mà thề dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Xin thề:

1. Hy sinh tất cả vì tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát xít Nhật-Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam trở nên một nước độc lập và dân chủ ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới.

2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cấp chỉ huy, khi nhận được mệnh lệnh gì sẽ tận tâm, tận lực thi hành cho nhanh chóng và chính xác.

3. Bao giờ cũng kiên quyết chiến đấu, dù gian lao khổ sở cũng không phàn nàn, vào sống ra chết cũng không sờn chí, khi ra trận quyết chí xung phong, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.

4. Lúc nào cũng khẩn trương hoạt bát, hết sức học tập để tự rèn luyện thành một quân nhân cách mạng, xứng đáng là một người chiến sĩ tiên phong giết giặc cứu nước.

5. Tuyệt đối giữ bí mật cho bộ đội về nội dung tổ chức, về các cấp chỉ huy, tuyệt đối giữ bí mật cho tất cả các đoàn thể cứu quốc.

6. Khi ra trận nếu bị quân địch bắt được, thì dù cực hình tàn khốc thế nào cũng cương quyết một lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng của toàn dân, không bao giờ cung khai phản bội.

7. Hết sức ái hộ bạn chiến đấu cũng như bản thân, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

8. Hết sức giữ gìn vũ khí, không bao giờ để vũ khí hư hỏng, hay rơi vào tay quân thù.

9. Khi tiếp xúc với dân sẽ làm đúng ba điều răn: "không lấy của dân" – "không dọa nạt dân"- "không quấy nhiễu dân" và ba điều nên: "kính trọng dân" – "giúp đỡ dân" – "bảo vệ dân", để gây

lòng tin cậy đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí giết giặc cứu nước.

10. Bao giờ cũng nêu cao tinh thần tự phê bình, giữ tư cách cá nhân mô phạm, không làm điều gì hại đến thanh danh Giải phóng quân và Quốc thể của Việt Nam.

34 đội viên Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Trong số 34 cán bộ, chiến sĩ của đội có 29 người là dân tộc thiểu số. Cụ thể, dân tộc Tày: 19, dân tộc Nùng: 8, dân tộc Mông: 1, dân tộc Dao: 1; còn lại 5 người dân tộc Kinh.

Đội chỉ có 34 chiến sĩ với 34 cây súng nhưng đều là những chiến sĩ kiên cường của công nông được chọn lọc từ các đội du kích ở Cao-Bắc-Lạng, một số đã học quân sự ở nước ngoài, hầu hết đã qua chiến đấu, và điều quan trọng hơn cả là không có ai không có nợ máu với đế quốc và phong kiến.

Việc thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với lịch sử quân đội ta. Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân của Hồ Chủ tịch tuy ngắn nhưng rất súc tích bao gồm các vấn đề chủ yếu về đường lối quân sự của Đảng ta: vấn đề kháng chiến toàn dân, động viên và vũ trang toàn dân, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phương châm xây dựng 3 thứ quân, phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị của lực lượng vũ trang, nguyên tắc tác chiến và chiến thuật du kích của lực lượng vũ trang, Hồ Chủ tịch nói: "...Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội đàn anh mong cho chúng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu qui mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân,

nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta".

Chính vì ý nghĩa đó, ngày 22.12.1944 được chọn làm ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Dưới lá cờ đỏ sao vàng, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã long trọng đọc lời tuyên thệ. Sau đó, theo yêu cầu của anh em, đội tổ chức một bữa cơm nhạt không rau, không muối để nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh của các chiến sĩ cách mạng.

Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, lực lượng chủ lực đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam, chấp hành chỉ thị phải đánh thắng trận đầu của Bắc đã mưu trí táo bạo hạ đồn Phay Khắt (24.12) và Nà Ngần (25.12.1944) trong hoàn cảnh "ăn mỗi ngày một bữa, đánh mỗi ngày hai trận"

Chỉ sau một tuần lễ, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã phát triển thành 3 trung đội làm nòng cốt cho công tác tuyên truyền, diệt địch, biến Cao-Bắc-Lạng thành một căn cứ vững chắc.

Tháng 4-1945, theo quyết định của hội nghị quân sự Bắc Kỳ, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc Quân đã thống nhất lại vào ngày 15.5.1945 và mang tên Việt Nam Giải phóng quân. Lễ thống nhất được tổ chức tại Chợ Chu (Thái Nguyên) với 13 đại đội.

Tại các chiến khu cách mạng trong nước, lực lượng du kích vẫn phát triển trong hình thái 3 thứ quân: tháng 5-1945 thành lập trung đội du kích của chiến khu Quang Trung tháng 6-1945 đội du

kích Đông Triều ra đời, đội du kích Ba Tơ thì từ tháng 3.1945..

Trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Việt Nam giải phóng quân có vai trò rất quan trọng; 2 giờ chiều ngày 16-8-theo lệnh của ủy Ban khởi nghĩa toàn quốc và lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch ngày 13.8-từ cây đa Tân Trào, đơn vị chủ lực Việt Nam giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Lực lượng vũ trang đã hỗ trợ đắc lực cho lực lượng chính trị, tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Chỉ sau 15 ngày, ách đế quốc ngót trăm năm, ngai vàng phong kiến hàng ngàn năm đã bị lật nhào.

Ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quân đội ta mang tên Vệ quốc đoàn, đánh dấu thời kỳ hình thành của quân đội Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp quân đội ta mang tên quen thuộc nhất cho đến ngày nay là Quân đội nhân dân Việt Nam. Với chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, quân đội ta đã bước vào thời kỳ trưởng thành.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại vừa qua, Quân đội nhân dân Việt Nam cũng như mọi bộ phận khác của nó mang cái tên lịch sử là Giải phóng quân miền Nam đã góp phần quyết định cùng toàn dân đánh bại tên đế quốc đầu sỏ, đánh sập ngụy quyền tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam vào mùa Xuân 1975.

"... Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục" (Hồ Chủ Tịch)

Trên cơ sở của một cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại, quân đội ta từ một

lực lượng nhỏ bé, vũ khí trang bị thô sơ đã vươn lên thành một đội quân hùng hậu, chính quy hiện đại, gắn bó với nhân dân, tô đậm truyền thống vẻ vang mà Bác Hồ, người cha của các lực lượng vũ trang Việt Nam, đã dạy: "... Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng..."

Năm 1989, theo chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng và quyết định của Chính phủ, ngày 22-12 hàng năm không chỉ là ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam mà còn là **Ngày hội Quốc phòng Toàn dân**. Từ đó, mỗi năm, cứ đến ngày này, toàn dân Việt Nam lại tiến hành các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội, nhằm tuyên truyền sâu rộng truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và phẩm chất bộ đội Cụ Hồ, giáo dục lòng yêu nước, yêu CNXH, động viên mọi công dân chăm lo củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc. Các hoạt động như mít tinh, hội thảo, hội nghị đoàn kết quân dân, giáo dục truyền thống, biểu diễn văn nghệ, đại hội thanh niên, thi đấu thể thao, hội thao quân sự... được diễn ra ở khắp làng, xã, cơ quan đoàn thể, cơ sở đơn vị...

Những hoạt động của ngày hội như vậy nhằm động viên cán bộ, chiến sĩ không ngừng nâng cao cảnh giác, ra sức rèn luyện bản lĩnh chính trị và trình độ quân sự, không ngại gian khổ, vượt qua khó khăn, trong mọi hoàn cảnh của trước đây cũng như hôm nay, để hoàn thành mọi nhiệm vụ xứng đáng với tên gọi: **Quân đội nhân dân Việt Nam**.

STT	TÊN	BÍ DANH	DÂN TỘC	QUÊ QUÁN
1	Trần Văn Kỳ	Hoàng Sâm	Kinh	Tuyên Hoá, Quảng Bình
2	Dương Mạc Thạch	Xích Thắng	Tày	Nguyên Bình, Cao Bằng
3	Hoàng Văn Xiêm	Hoàng Văn Thái	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình
4	Hoàng Thế An	Thế Hậu	Tày	Hà Quảng, Cao Bằng
5	Bế Bằng	Kim Anh	Tày	Hoà An, Cao Bằng
6	Nông Văn Bát	Đàm Quốc Chưng	Tày	Hoà An, Cao Bằng
7	Bế Văn Bồn	Bế Văn Sắt	Tày	Hoà An, Cao Bằng
8	Tô Văn Cẩm	Tiến Lực	Tày	Nguyên Bình, Cao Bằng
9	Nguyễn Văn Càng	Thu Sơn	Tày	Hoà An, Cao Bằng
10	Nguyễn Văn Cơ	Đức Cường	Kinh	Hoà An, Cao Bằng
11	Trần Văn Cù	Trương Đắc	Tày	Nguyên Bình, Cao Bằng
12	Hoàng Văn Cũn	Quyền, Thịnh	Tày	Võ Nhai, Thái Nguyên
13	Võ Văn Dánh	Luân	Kinh	Tuyên Hoá, Quảng Bình
14	Tô Vũ Dâu	Thịnh Nguyên	Tày	Hoà An, Cao Bằng
15	Dương Văn Dấu	Đại Long	Nùng	Hà Quảng, Cao Bằng
16	Chu Văn Đế	Nam	Tày	Nguyên Bình, Cao Bằng
17	Nông Văn Kiếm	Liên	Tày	Nguyên Bình, Thái Nguyên
18	Đinh Văn Kính	Đinh Trung Lương	Tày	Thạch An, Cao Bằng
19	Hà Hưng Long		Tày	Hoà An, Cao Bằng
20	Lộc Văn Lùng	Văn Tiên	Tày	Cao Lộc, Lạng Sơn
21	Hoàng Văn Lường	Kính Phát	Nùng	Ngân Sơn, Bắc Kạn
22	Hầu A Lý	Hồng Cô	Mông	Nguyên Bình, Cao Bằng
23	Long Văn Mần	Ngọc Trinh	Nùng	Hoà An, Cao Bằng
24	Bế Ích Nhân	Bế Ích Vạn	Tày	Ngân Sơn, Bắc Kạn
25	Lâm Cẩm Như	Lâm Kính	Kinh	Thạch An, Cao Bằng
26	Hoàng Văn Nhưng	Xuân Trường	Tày	Hà Quảng, Cao Bằng
27	Hoàng Văn Minh	Thái Sơn	Nùng	Ngân Sơn, Bắc Kạn
28	Giáp Ngọc Páng	Nông Văn Bê	Nùng	Hoà An, Cao Bằng
29	Nguyễn Văn Phán	Kế Hoạch	Tày	Hoà An, Cao Bằng
30	Ma Văn Phiêu	Bắc Hợp	Tày	Nguyên Bình, Cao Bằng
31	Đặng Tuấn Quý		Dao	Nguyên Bình, Cao Bằng
32	Lương Quý Sâm	Lương Văn Ích	Nùng	Hà Quảng, Cao Bằng
33	Hoàng Văn Súng	La Thanh	Nùng	Hà Quảng, Cao Bằng
34	Mông Văn Vầy	Mông Phúc Thơ	Nùng	Võ Nhai, Thái Nguyên

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN HIỆN NAY

Củi tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã đi xa, nhưng Người đã để lại cho chúng ta bản Di chúc lịch sử, trong đó vừa chứa đựng những tư tưởng lớn của Người về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN ở Việt Nam, cũng như phong trào cách mạng thế giới; vừa thể hiện trách nhiệm và tình thương yêu bao la của Người đối với đồng bào, đồng chí, anh em trong nước và bạn bè quốc tế.

Một trong những nội dung thể hiện rõ tư tưởng, tình cảm, ý chí, quyết tâm, tinh thần lạc quan cách mạng của Người trong bản Di chúc lịch sử là niềm tin chiến thắng và ý chí quyết tâm giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước.



Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng hoa và động viên 3 nữ dân quân Quảng Bình, Vĩnh Linh (tháng 9-1968). Ảnh tư liệu.

Từ thực tiễn tình hình quốc tế và trong nước, từ bản chất, âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đối với nước ta, nhất là từ tương quan so sánh lực

lượng địch ta ở thời điểm đó, Người đã dự báo "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người", và Người đã khẳng định niềm tin sắt đá rằng: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn".

Niềm tin sắt đá của Người về thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bắt nguồn từ những cơ sở khách quan khoa học. Đó là, đường lối chính trị, quân sự, biểu hiện tập trung ở đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện và đường lối xây dựng LLVT nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta. Đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc sáng suốt, tài tình của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, tập trung ở "Bộ thống soái" lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh. Đó là ý chí quyết tâm, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh của đồng bào, chiến sĩ trên cả hai miền Nam Bắc vì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, vì độc lập dân tộc và CNXH. Đó là tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia anh em; là sự cổ vũ, ủng hộ, giúp đỡ vô tư, có hiệu quả của các nước XHCN, của anh em, bè bạn trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Đó là sức mạnh tổng hợp của dân tộc ta được kết hợp chặt

chế với sức mạnh thời đại, sức mạnh của truyền thống kết hợp với sức mạnh hiện tại, sức mạnh của tiền tuyến lớn miền Nam và hậu phương lớn miền Bắc XHCN.

Niềm tin, ý chí quyết tâm vì chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Người đã thôi thúc, cổ vũ, động viên cả nước lên đường với tinh thần “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, “Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, với tinh thần không quản ngại khó khăn, gian khổ, chiến đấu, hy sinh của đồng bào, chiến sĩ trên cả hai miền Nam Bắc, chúng ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, nhất là thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy năm 1968, của Chiến dịch Quảng Trị năm 1972, đã tạo nên so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta cả về thế và lực để chúng ta tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc bằng Đại thắng mùa Xuân lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện trọn vẹn mong ước của Người.

Thực hiện Di chúc của Người, trong những năm qua, sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu to lớn.

Nổi lên là: Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo được tăng cường. Theo đó, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc đã được tăng cường thêm, làm tăng thêm khả năng giữ vững hòa bình để đưa đất nước phát triển, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, góp phần ngăn chặn, loại trừ nguy

cơ chiến tranh và tăng cường khả năng đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh nếu xảy ra. Thực hiện quan điểm chỉ đạo “Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, không ngừng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh, nhân dân phù hợp với hoàn cảnh mới”, trong những năm qua, nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự lực tự cường, từng bước hiện đại được chú trọng triển khai xây dựng toàn diện, rộng khắp, có chiều sâu, có bước phát triển mới cả về lực lượng quốc phòng, tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng.

Tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân bao gồm cả lực lượng tiềm tàng và lực lượng hiện hữu trên các mặt kinh tế, chính trị, tinh thần, khoa học, công nghệ và quân sự, nhất là trên các địa bàn chiến lược được nâng lên một bước. Thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc XHCN đã được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn, nhất là sau khi có Nghị quyết về “Chiến lược phát triển kinh tế biển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, tiềm lực và thế trận quốc phòng trên biển đã được triển khai xây dựng ngày càng toàn diện và vững chắc hơn.

Chất lượng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) được nâng cao một bước. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân đã kết hợp chặt chẽ với nhau trong thế trận chung bảo vệ Tổ quốc cả cấp vĩ mô và vi mô, trên phạm vi cả nước và từng địa phương cơ sở, nhất là ở vùng xung yếu, trọng điểm (Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ), khu vực biên giới, thành phố lớn, làm gia tăng đáng kể sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới.

Trong những năm qua, đối ngoại quốc phòng đã được đẩy mạnh và đã mang lại hiệu quả thiết thực. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với xây dựng, củng cố quốc phòng được triển khai toàn diện ở tất cả các cấp, các ngành, các địa bàn, đặc biệt ở vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược, kế hoạch củng cố quốc phòng, nhất là trong xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, làm cho kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh gắn bó với nhau ngày càng chặt chẽ hơn.

Sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng được giữ vững và tăng cường một bước. Đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng và LLVT nhân dân, tăng cường chức năng tham mưu của Quân ủy Trung ương, của Bộ Quốc phòng trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Trong giai đoạn mới, trước sự tác động của tình hình thế giới, khu vực với sự vận động, biến đổi phức tạp, nhanh chóng, khó dự lường; trước sự tốc độ của tình hình trong nước cùng với những thời cơ, thuận lợi là những khó khăn, nguy cơ, thách thức đan xen. Trong những điều kiện đó, để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới, chúng ta cần quan tâm đến một số vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, cần nhận thức đầy đủ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện mới được

thể hiện trong “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” và được tiếp tục nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, trên cơ sở đó quan tâm chăm lo xây dựng, củng cố lực lượng, tiềm lực và thế trận quốc phòng trên các mặt kinh tế, chính trị, tinh thần, khoa học công nghệ và quân sự, nhất là trên các địa bàn chiến lược.

Hai là, tiếp tục triển khai việc giáo dục quốc phòng toàn dân theo quan điểm mới về bảo vệ Tổ quốc XHCN; nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức, trách nhiệm công dân trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là ở cơ sở.

Ba là, chú trọng xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc. Đây vừa là đòi hỏi bức thiết của tình hình, vừa đặt ra yêu cầu phải có nội dung và phương thức xây dựng mới phù hợp hơn.

Bốn là, mở rộng quan hệ đối ngoại quân sự, quốc phòng và nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại quân sự, quốc phòng, nhất là trong điều kiện nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cần có nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn và có chiến lược, kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp nhằm đem lại hiệu quả thiết thực. Tăng cường đấu tranh quốc phòng trong điều kiện mới.

Năm là, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong điều kiện Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Đây là yêu cầu khách quan, đòi hỏi phải được giải quyết hợp lý, cụ thể trong từng bước đi, trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước. Cần thống nhất nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong

đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, những phát triển mới của tình hình và yêu cầu mới của mối quan hệ đó khi Việt Nam đã là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới, hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và tham gia ngày càng nhiều vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế, khu vực.

Thiếu tướng, PGS.TS NGUYỄN VĂN THẮNG (Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội nhân văn Quân sự, Bộ Quốc phòng)

// <http://www.qdnd.vn>

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI TƯỚNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Hồ Chủ tịch là người cha thân yêu đã sáng lập, giáo dục và rèn luyện quân đội ta. Người cùng Đảng ta hết lòng xây dựng quân đội ta thành một quân đội kiểu mới, một quân đội nhân dân. Với tư cách là người lãnh tụ của Đảng, của dân tộc, Người đã luôn sẵn sàng đến lực lượng vũ trang cách mạng, dạy dỗ, khuyến khích, chăm nom từ vật chất đến tinh thần, theo sát từng bước tiến của quân đội ta.



Bác Hồ thăm một đơn vị Quân đội miền Nam tập kết (1957)

Chính từ sự quan tâm, chăm sóc đó Người luôn chú trọng tới công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội vừa “hồng vừa chuyên”, nhất là đội ngũ tướng lĩnh trong quân đội.

Tại Hội nghị quân sự lần thứ V vào tháng 8 năm 1948, Bác đã khát quát về “Tư cách một người tướng”, những điều người tướng cần có và phải có. Huấn thị của Bác có giá trị to lớn làm căn cứ để xây dựng hình mẫu người tướng cho quân đội ta, đồng thời cũng là những tiêu chí để mỗi tướng lĩnh quân đội phấn đấu, rèn rũa mình.

Trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta thực hiện phương châm xây dựng quân đội “chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại”; khi sự nghiệp đổi mới đất nước đang chuyển biến mạnh mẽ và thu nhiều thành tựu to lớn nhưng chứa đựng nhiều nguy cơ và thách thức; khi sự chống phá của kẻ thù đặc biệt là chiến lược “Diễn biến hòa bình” ngày càng tinh vi, phức tạp, khó lường.... Trước tình hình đó, yêu cầu về phẩm chất, năng lực của mỗi cán bộ, chiến sĩ đặc biệt là tướng lĩnh quân đội ta đặt ra cao hơn. Tuy Bác nói về tư cách một người tướng, nhưng lời dạy của Bác có giá trị to lớn với mỗi người lính, dưới các góc độ và cách nhìn khác nhau.

Người chỉ rõ phẩm chất cần có của người tướng quân đội nhân dân Việt

Nam là: “Trí, dung, nhân, tín, liêm, trung”(1).

Hồ Chủ tịch phân tích rõ: “Trí là phải có óc sáng suốt để nhìn mọi việc, để suy xét địch cho đúng”(2). Đức tính này theo Bác chính là “tài”, là tri thức toàn diện. Hiện nay, cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, nền kinh tế tri thức đang dần hình thành trên thế giới, ảnh hưởng và tác động to lớn tới phương thức tác chiến của mỗi quân đội và tính chất của các cuộc chiến tranh. Vì vậy, mỗi quân nhân, mỗi người tướng phải có tri thức toàn diện: giỏi về quân sự, thấm nhuần về chính trị, hiểu biết sâu rộng về văn hóa, khoa học, kỹ thuật...

Trong giai đoạn cách mạng mới, khi kẻ thù “núp bóng” không lộ diện, nhưng âm mưu và các hành động chống phá cách mạng Việt Nam lại ngày càng tinh vi, xảo quyệt và thâm độc thông qua chiến lược “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ”. Việc “suy xét địch cho đúng” không hề đơn giản, Người tướng lĩnh cần nắm chắc âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, chủ động trong phòng chống và kiên quyết làm thất bại âm mưu, hành động chống phá của kẻ thù. Không để các thế lực thù địch có cơ hội tạo dựng ngọn cờ, gây bạo loạn và can thiệp vũ trang từ bên ngoài vào.

Năm tư chất còn lại cần có của một người tướng theo tư tưởng của Bác được quy tụ lại trong một chữ đó là: “đức”. “Tín, dũng, nhân, liêm, trung” là biểu hiện tập trung của nhân cách người tướng, và của mỗi người lính cách mạng. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng cao quý, cần có trong mỗi quân nhân trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Bác chỉ rõ:

“Tín là phải làm cho người ta tin mình. Thí dụ đã hứa thưởng thì phải thưởng. Tín cũng còn nghĩa là tự tin ở sức mình nữa, nhưng không phải là tự mãn tự cao.

Dũng là không được nhút nhát, phải can đảm, dám làm những việc đáng làm, dám đánh những trận đáng đánh.

Nhân là phải thương yêu cấp dưới, phải đồng cam cộng khổ với họ. Đối với địch hàng, ta phải khoan dung.

Liêm là chớ tham của, chớ tham sắc, tham sắc thì bị mỹ nhân kế; chớ tham vọng, tham sống.

Trung là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng”(3).

Đồng thời, bác căn răn cụ thể về công tác của người tướng trong quân đội trên bốn mặt: Đối với kỷ luật, đối với binh sĩ, đối với nhân dân và đối với địch cần phải làm như thế nào? Có thể khái quát như sau:

Đối với kỷ luật thì phải nghiêm minh, “về kỷ luật, phải thưởng phạt cho công minh”(4). . Mệnh lệnh từ cấp trên xuống thì phải thấm tới từng người lính, báo cáo từ dưới lên cần phải thật thà, nhanh chóng và kịp thời.

Đối với binh sĩ, Bác đặc biệt yêu cầu mỗi người tướng phải: “đồng cam cộng khổ với binh sĩ”(5), phải hiểu bộ đội, hết sức chăm lo cho bộ đội.

Đối với dân, thì phải xứng đáng là con em của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. “Bộ đội được dân yêu, dân tin, dân phục thì nhất định thắng lợi”(6).

Đối với địch, thì phải biết rõ địch, không khinh địch và tuyệt đối giữ bí mật không để địch biết về ta. “Ta biết rõ địch thì thắng. Nếu để địch biết rõ ta thì sẽ thất bại”(7).

Huấn thị của Bác về “tư cách người tướng” nhắc nhở mỗi chiến sĩ, nhất là cán bộ và tướng lĩnh quân đội ta phải luôn rèn luyện đạo đức, tác phong cách mạng. Phải trung với nước, hiếu với dân, phải “cần, kiệm, liêm, chính”, phải khiêm tốn giản dị, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, “thắng không

kiêu, bại không nản”, đồng thời “nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Làm được những điều đó, mỗi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội mới không phụ lòng tin yêu của Hồ Chủ tịch, của Đảng và nhân dân ta.

(1, 2, 3, 4,5,6,7 Trích trong “Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân” , Nxb QĐND, năm 1962, tr65 - tr67).

Lê Văn Dũng /
<http://giaoducthoidai.vn>

Ý NGHĨA TÊN GỌI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

1. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là tên của đội quân chủ lực của Mặt trận Việt Minh từ tháng 12-1944 đến tháng 5-1945. Đây là tổ chức quân sự được công nhận là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, 22-12-1944, sau này đã được chọn làm ngày thành lập của Quân đội nhân dân Việt Nam.



Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) thành lập ngày 22-12-1944. Ảnh tư liệu.

Bối cảnh ra đời: Trước đòi hỏi của tình hình đấu tranh cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy đến lúc phải thành lập một lực lượng vũ trang chủ lực, nòng cốt lấy từ các cán bộ, đội viên du kích năng nổ. Bác và Ban thường vụ Trung ương Đảng chỉ định đồng chí Võ Nguyên Giáp đảm nhiệm công việc thành lập lực lượng vũ trang tập trung. Trong “Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân” của Bác Hồ, đã nói rõ ý nghĩa lịch sử, nhiệm vụ của đội quân chủ lực đầu tiên:

“1. Tên: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, nghĩa là chính trị quan trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất

và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt các đội vũ trang của địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: Đưa cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: Vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay đông, mai tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Bắc chí Nam, khắp đất nước Việt Nam”.

2. Việt Nam Giải phóng quân là tên gọi của QĐND Việt Nam từ tháng 5 đến tháng 11-1945. Việt Nam Giải phóng quân thành lập ngày 15-5-1945, tại Định Biên Thượng (Chợ Chu, Thái Nguyên) trên cơ sở thống nhất từ các đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân cùng các tổ chức vũ trang cách mạng tập trung

của cả nước, theo nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (tháng 4-1945) họp tại Hiệp Hòa (Bắc Giang).

Bối cảnh lịch sử: Trong lúc cả nước ta sục sôi không khí cách mạng thì Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bước vào những ngày kết thúc.

Ngày 7-5-1945, phát xít Đức - Ý đầu hàng Đồng minh. Ngày 8-8-1945, Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông, chủ lực của phát xít Nhật; sự sụp đổ hoàn toàn của phát xít Nhật chỉ còn tính từng giờ.

Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam được họp ở Tân Trào từ ngày 13 đến 15-8-1945 trong không khí hết sức khẩn trương. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Theo lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, của Tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước đứng dậy. 14 giờ ngày 16-8-1945, đơn vị chủ lực của Việt Nam giải phóng quân xuất phát từ Tân Trào tiến đánh thị xã Thái Nguyên. Mục tiêu tiến công của Giải phóng quân lúc này không còn là những đồn bót, châu lỵ mà là những căn cứ chính của địch, các thị trấn, thị xã. Lời căn dặn của Bác Hồ: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Ngày 21-8-1945, quân Nhật đầu hàng. Tuyên Quang được giải phóng. Thắng lợi của cuộc đánh chiếm các tỉnh lỵ Thái Nguyên, Tuyên Quang là thắng lợi của Quân giải phóng đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng chính trị, dùng cả

quân sự, chính trị và binh vận để tiến công địch.

Chỉ trong vòng 12 ngày (từ 14 đến 25-8-1945), Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thắng lợi trong cả nước. Chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập từ Trung ương đến khắp các thôn xã. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời.

3. Vệ quốc đoàn: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã lâm vào tình thế hiểm nghèo, thù trong, giặc ngoài. Ở phía Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch tiến vào giải giáp quân Nhật. Ở phía Nam, thực dân Anh mở đường cho thực dân Pháp tiến vào với âm mưu biến Việt Nam trở về thời kỳ thuộc địa. Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta tiến hành sách lược mềm dẻo “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, để giữ vững nền độc lập non trẻ. Trước sức ép của quân Tưởng Giới Thạch, ta linh động đưa Đảng ta vào hoạt động bí mật, Đảng tuyên bố “tự giải tán”. Để đáp ứng yêu sách của quân Tưởng đòi giải tán quân đội chính quy, tháng 11-1945, Việt Nam giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc đoàn (còn gọi là Vệ quốc quân). Lúc này quân số quân đội ta khoảng 50.000 người, tổ chức thành khoảng 40 chi đội ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ. Một số chi đội đã “Nam tiến” để giúp quân dân miền Nam chống lại thực dân Pháp đang tấn công xâm lược trở lại ở Nam Bộ.

4. Quân đội Quốc gia Việt Nam: Ngày 22-5-1946, theo Sắc lệnh 71/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Vệ quốc đoàn đổi tên thành Quân đội Quốc gia Việt Nam, được đặt dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất của Bộ Tổng tham

mưu. Quân đội ta lúc này tổ chức biên chế thống nhất theo trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội... Cùng với việc xây dựng quân đội quốc gia, Chính phủ ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng, lực lượng bán vũ trang, bao gồm: dân quân ở nông thôn và tự vệ ở đô thị. Trong thời kỳ 1945-1950, có những người lính trong quân đội thực dân, đế quốc sang xâm lược Việt Nam, bị cảm hóa bởi cuộc kháng chiến vệ quốc chính nghĩa của quân dân ta đã tình nguyện gia nhập Quân đội ta, tham gia chiến đấu và công tác ở nhiều lĩnh vực như chỉ huy, tham mưu, kỹ thuật, huấn luyện, quân y, quân giới, tuyên truyền... Nhiều người được giao trọng trách và phong quân hàm sĩ quan. Họ đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng Quân đội Quốc gia Việt Nam trong buổi ban đầu xây dựng lực lượng.

5. Quân đội nhân dân Việt Nam: Từ năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Tên gọi “Quân đội nhân dân” là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt với ý nghĩa “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân phục vụ”.



Ảnh minh họa: qdnd.vn.

Cũng thời gian này, các đại đoàn (đơn vị tương đương sư đoàn) chủ lực quan trọng như các đại đoàn 308, 304,

312, 320, 316, 325, 351 lần lượt được thành lập, đến nay vẫn là những đơn vị chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ một đội quân chỉ vài trăm người khi tham gia Tổng khởi nghĩa, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các sư đoàn chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 7-5-1954, đập tan mưu toan thiết lập lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam trở nên quen thuộc với nhân dân từ đó đến nay. Sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Nhân dân Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Nhiệm vụ của quân đội thời kỳ này là vừa xây dựng chính quy, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa vừa tham gia đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày 15-2-1961, **Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam**, lực lượng quân sự của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất lực lượng vũ trang tại chỗ và lực lượng tăng viện từ miền Bắc. Trước sự can thiệp trực tiếp của quân đội Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sát cánh cùng với nhân dân và các lực lượng vũ trang khác, tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài và gian khổ, lập nên những kỳ tích mà tiêu biểu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ ở miền Bắc mà đỉnh cao là chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12-1972; kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào

ngày 30-4-1975, thống nhất đất nước, mở ra thời kỳ phát triển mới cho đất nước.

Như vậy, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam là một cái tên mới xuất hiện, nhưng là một bộ phận không tách rời của Quân đội nhân dân Việt Nam. Thực tế lịch sử cho thấy, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã hoàn thành sứ mệnh, vai trò lịch sử vẻ vang của mình. Sau năm 1975, đất nước thống nhất, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam hợp nhất với Quân đội nhân dân Việt Nam, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam có lực lượng thường trực gồm bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương với tổng quân số khoảng 450.000 người và lực lượng quân dự bị khoảng 5 triệu người. Bộ đội chủ lực là thành phần nòng cốt của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng cơ động của các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực của quân khu và bộ đội chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh các đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu còn có hệ thống hoàn chỉnh các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, viện nghiên cứu, các trường đào tạo sĩ quan và trường nghiệp vụ các cấp.

Thạc sĩ MAI DANH THU' (tổng hợp từ sách Bách khoa tri thức Quốc phòng toàn dân, Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam và Cổng thông tin Điện tử Bộ Quốc phòng)

<http://www.qdnd.vn>

NHỮNG DẤU MỐC ĐẦU TIÊN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đơn vị Hải quân đầu tiên được hình thành trước ngày khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hai máy bay của vua Bảo Đại là phương tiện đầu tiên của Không quân Việt Nam. Nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944), xin điểm lại một số dấu mốc đầu tiên của quân đội có thể nhiều người chưa biết.

Đơn vị hải quân Việt Nam đầu tiên

Ít người biết ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, quân đội Việt Nam đã có một bộ phận hải quân nhỏ và lập được những chiến công đầu tiên. Theo cuốn *Lịch sử Hải quân Việt Nam*, cuối tháng 8/1945, tại Hải Phòng, Bộ Tư lệnh khu Duyên hải đã tổ chức Ủy ban Hải quân Việt Nam với quân số gần 200, trong đó tiêu biểu là Đại đội Ký Con, phương tiện là một số tàu nhỏ và 3 canô thu được của Pháp. Các tàu nhỏ được đổi tên thành Bạch Đằng, Giao Chỉ.

Với cách đánh du kích, Đại đội Ký Con đã lập được một số chiến công ở cửa biển Hải Phòng và vùng ven biển Đông Bắc. Trận đánh đầu tiên được lịch sử hải quân Việt Nam ghi lại là đánh tàu Crayssac tại vùng biển Hòn Gai đầu tháng 9/1945.

Theo lệnh Khu trưởng chiến khu Duyên hải Nguyễn Bình (sau được phong là Trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam), đại đội Ký Con dùng hai tàu Bạch Đằng, Giao Chỉ và một canô, với một trung đội bộ đội phối hợp với các thuyền đánh cá của

nhân dân tiến ra vây bắt tàu địch. Trước sức ép của quân dân, tàu Crayssac phải đầu hàng, chỉ huy và các thủy thủ người Pháp bị bắt làm tù binh, nhiều binh sĩ người Việt tình nguyện tham gia cách mạng.

Tàu Crayssac được trang bị một khẩu pháo 37 mm, 2 trọng liên, 2 đại liên, một bazoka, 2 súng carbin cùng một số súng trường. Ngày 8/9/1945, Khu trưởng Nguyễn Bình đã đến thăm con tàu chiến lợi phẩm, ra lệnh gỡ biển tên tàu, gắn chữ Ký Con bằng đồng vào mũi tàu, biên chế con tàu vào lực lượng vũ trang chiến khu Duyên hải (sau là chiến khu 3).

Sau đó, quân Pháp đưa tàu Audacieuse đến vùng biển Hòn Gai để tìm kiếm tàu Crayssac. Quân khu Duyên hải dùng ngay tàu Ký Con để đánh đuổi và chiếm được tàu Audacieuse, bắt 8 sĩ quan và thủy thủ, thu một đại liên, một bazoka và một số vũ khí trang bị khác. Đến ngày 12/9/1945, hai tàu Ký Con, Audacieuse cùng một số canô được tổ chức thành một thủy đội thuộc Ủy ban Hải quân Việt Nam, làm nhiệm vụ tuần tiễu vùng ven biển từ Hòn Gai đến Hải Phòng.

Đơn vị pháo binh đầu tiên

Từ những khẩu pháo thu của quân đội Pháp, đơn vị pháo binh đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập. Ngày 29/6/1946, tại sân Vệ Quốc đoàn Trung ương (trại 40 Hàng Bài), Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia Việt Nam Hoàng Văn Thái đọc

Quyết định thành lập Đoàn pháo binh Thủ đô gồm 3 trung đội: Pháo đài Láng, Pháo đài Xuân Tảo và Pháo đài Xuân Canh (nay thuộc huyện Đông Anh). Đây chính là nền móng để xây dựng lực lượng pháo binh Việt Nam sau này.

Đến tháng 9/1946, Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập thêm Trung đội Pháo đài Thổ Khối (huyện Gia Lâm), nằm bên tả ngạn sông Hồng, đồng thời thành lập Đại đội Pháo binh Thủ đô, thống nhất chỉ huy 4 trung đội pháo đài. 29/6/1946 trở thành ngày truyền thống của Pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam.



Khẩu pháo 75 ly được lưu giữ tại di tích lịch sử Pháo đài Láng. Ảnh: Võ Hải.

Theo Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam, các pháo đài Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh do quân Pháp xây dựng vào năm 1940, đặt các khẩu pháo phòng không 75 ly nhằm phòng thủ cho thành phố Hà Nội trước nguy cơ bị không quân Nhật tấn công.

Tháng 3/1945, Nhật đảo chính Pháp, các pháo đài này bị quân Nhật chiếm. Sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, tất cả cơ sở quân sự ở miền Bắc

được bàn giao cho quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Khi quân Tưởng rút, quân và dân Việt Nam tiếp nhận pháo đài. Do thiếu pháo thủ, một số thanh niên làng Láng được gọi tăng cường, nhanh chóng làm chủ kỹ thuật.

Pháo đài Láng chính là nơi nổ phát súng đầu tiên phát hiệu lệnh toàn quốc kháng chiến lúc 20h03 ngày 19/12/1946. Ngay sau đó, các pháo đài Xuân Canh, Xuân Tảo cũng lập tức nổ súng, dùng các khẩu pháo phòng không để đổi cách bắn, rót đạn xuống các doanh trại của quân Pháp đóng trong thành cổ Hà Nội.

Sau đó 2 ngày, ngày 21/12/1946, Pháo đài Láng tiếp tục lập chiến công bằng việc bắn rơi chiếc máy bay đầu tiên của quân Pháp trong cuộc kháng chiến kéo dài tới 9 năm sau đó. Các pháo thủ pháo đài Láng đã bắn máy bay bằng cách ngắm bắn trực tiếp do không có máy ngắm. Với thành tích này, Trung đội pháo binh Pháo đài Láng đã được Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp gửi thư khen ngợi.

Đến tháng 1/1947, sau khi thành công trong việc tìm chân quân đội Pháp trong thành phố Hà Nội suốt hai tháng, các đơn vị pháo binh ở pháo đài Láng được lệnh rút lên chiến khu. Do các khẩu pháo nặng nề không thể di chuyển được, các pháo thủ đã tháo quy lát của pháo mang đi chôn giấu.

Hiện nay, một khẩu pháo 75 ly còn được lưu giữ tại di tích lịch sử Pháo đài Láng, tại con phố cùng tên ở phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Máy bay đầu tiên

Dù mãi đến năm 1955, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam mới

quyết định thành lập Ban Nghiên cứu sân bay, tiền thân của lực lượng không quân hiện nay, tuy nhiên từ ngay sau cách mạng tháng 8, quân đội Việt Nam đã có những chiếc máy bay đầu tiên.

Theo cuốn *Lịch sử không quân nhân dân Việt Nam*, đó là hai máy bay riêng của vua Bảo Đại, sau khi thoái vị đã hiến cho chính phủ lâm thời. Cả hai đều là máy bay 2 chỗ ngồi, gồm một chiếc Tiger Moth (2 tầng cánh, do Anh sản xuất) và Morane Saulnier (một tầng cánh, do Pháp sản xuất).

Hai máy bay được tháo cánh và bí mật chở bằng tàu hỏa từ Huế ra Bắc rồi chuyển về cất ở sân bay Tông (Sơn Tây) vào đầu năm 1946. Khi đó sân bay Bạch Mai và Gia Lâm đang bị quân đội Tưởng Giới Thạch chiếm giữ.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, hai chiếc máy bay tiếp tục được tháo rời, chuyển bằng thuyền lên Bình Ca, rồi lên Soi Đứng (Tuyên Quang). Trong quá trình vận chuyển, bị máy bay Pháp phát hiện và bắn phá, cả hai máy bay bị hư hỏng ít nhiều.



Học viên Lớp hàng không đầu tiên của quân đội Việt Nam bên chiếc máy bay Morane của vua Bảo Đại. Ảnh tư liệu.

Ngày 9/3/1949, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng chỉ huy Quân đội

quốc gia và dân quân Việt Nam, đã ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Quốc phòng, sau chuyển sang Bộ Tổng Tham mưu, do ông Hà Đồng, làm Trưởng ban, với nhân sự gồm một số kỹ thuật viên và phi công là hàng binh người châu Âu.

Sau quá trình chuẩn bị đường băng là bãi trồng ngô dài 400 m, rộng 25 m tại Soi Đứng, tả ngạn sông Gâm, cách thị trấn Chiêm Hóa, Tuyên Quang 10 km về phía nam, máy bay được lệnh chuẩn bị bay thử. Xăng dầu cho máy bay được chuyên chở bằng thùng phuy từ Cao Bằng về. Ban Nghiên cứu đã quyết định chọn chiếc Tiger Moth để bay.

Chiều 15/8/1949, phi công Nguyễn Đức Việt, hàng binh gốc Đức, tên thật là Verner Schulze, đã cùng ông Nguyễn Văn Đồng, Trưởng ban Cơ khí cất cánh bay lần đầu tiên. Máy bay chỉ bay được vài trăm mét, sau đó đâm xuống sông Gâm, ông Đồng bị thương nhẹ. Chiếc máy bay sau đó được cán bộ Ban Nghiên cứu cùng bà con lội ra sông, tháo từng bộ phận, đem về cất giấu.

Đây là mốc lịch sử quan trọng của Không quân nhân dân Việt Nam, lần đầu tiên máy bay mang cờ đỏ sao vàng bay trên vùng trời Tổ quốc.

Ông Verner Schulze, sinh năm 1920 nguyên là phi công trong quân đội Đức bị quân Pháp bắt làm tù binh và bắt buộc tham gia đội quân lê dương tại Việt Nam. Được sự móc nối của cán bộ Việt Minh, ông bỏ hàng ngũ quân Pháp tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ông trở về Đức sinh sống.

Lê Tiên Long /
<https://vnexpress.net>

CƠ SỞ CỦA VIỆC THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

Thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Đến tháng 5-1945, Đội thống nhất với Cứu quốc quân và các đội vũ trang khác thành Việt Nam Giải phóng quân. Thực tiễn cho thấy sự ra đời, hoạt động và ảnh hưởng của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân không chỉ đáp ứng kịp thời đòi hỏi của cách mạng Việt Nam trong chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, mà còn làm phong phú thêm bài học kinh nghiệm về chỉ đạo hình thức đấu tranh cách mạng của Đảng, cũng như trong tổ chức, xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời là một sự kiện chính trị - lịch sử rất đặc thù - “quân đội có trước chính quyền”. Điều đó thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định con đường giải phóng của dân tộc Việt Nam chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản, muốn cách mạng đi đến thắng lợi, phải sử dụng bạo lực cách mạng chống bạo lực phản cách mạng; bởi “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”¹. Chính vì vậy, ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), Đảng ta đã khẳng định sự cần thiết phải lập ra *quân đội công nông*. Theo đó, từ rất sớm, các đội Tự vệ đỏ trong cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh, đội Du kích Bắc Sơn, Du kích Nam Kỳ,

Du kích Ba Tơ, các đội Cứu quốc quân, đội vũ trang Cao Bằng đã lần lượt ra đời, hỗ trợ, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ trên phạm vi cả nước. Nhưng, khi phong trào cách mạng đã phát triển thành cao trào, chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, thì các lực lượng này chưa thể đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Bởi lẽ, việc kết hợp tuyên truyền chính trị với hoạt động của các đội vũ trang còn mang nặng tính địa phương, thiếu thống nhất, chưa phát huy tác dụng gây dựng cơ sở lan rộng, nhất là những vùng địch kiểm soát. Trong khi đó, vào thời điểm giữa năm 1944, thực dân Pháp tiến hành hàng loạt biện pháp đàn áp, mua chuộc đồng bào, tạo mâu thuẫn giữa đồng bào các dân tộc,... nhằm “tách cá khỏi nước”, chia rẽ sự gắn kết giữa quần chúng với lực lượng vũ trang. Với nhận quan chính trị và tầm nhìn sâu rộng, Trung ương Đảng và Bác Hồ nhận định: lúc này thời kỳ cách mạng hòa bình đã qua, đòi hỏi phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và phải “... chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực”². Và Hồ Chí Minh đã phác thảo những nét chính về Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, từ tổ chức, phương châm hành động, đến cung cấp lương thực, đạn dược và quan hệ với nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương. Về tổ chức, Người chỉ rõ: “Đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo”³ và mọi hoạt động của Đội phải chịu sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của

liên tỉnh ủy. Về lực lượng, các đội viên phải là những người kiên quyết, hăng hái trong công tác, dũng cảm trong chiến đấu, có lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc và phải cân nhắc từng người một. *Đối với cán bộ chỉ huy cấp trung đội, tiểu đội*, chủ yếu lấy trong số cán bộ đi học quân sự ở nước ngoài về, đã trải qua chiến đấu, có kỹ thuật và kinh nghiệm quân sự và thành phần trong Đội phải có đủ người Tày, Nùng, Mán, Kinh,... nhằm phục vụ hoạt động sau này của Đội.

Theo Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, sau một thời gian chuẩn bị, chi bộ Đảng của Đội được thành lập⁴ trước ngày thành lập Đội. Và đến 17 giờ ngày 22-12-1944, tại khu rừng nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám (nay thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), trước đông đảo đại biểu Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Ban khu, Ban châu, các tổng, xã và đồng bào các dân tộc, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt “Đoàn thể” tuyên bố thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, đánh dấu sự phát triển mới của lực lượng vũ trang cách mạng. Từ đây, cách mạng Việt Nam xuất hiện ba hình thức tổ chức của lực lượng vũ trang là: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân - đội quân chủ lực và các đội vũ trang ở châu, các đội tự vệ nửa vũ trang ở các xã.

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân không chỉ là công cụ bạo lực, làm nhiệm vụ chiến đấu, mà còn đảm đương chức năng tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng, xây dựng lực lượng cách mạng. Đó là *đội quân chiến đấu, đội quân công tác của Đảng, của cách mạng và nhân dân*. Bản chất, chức năng, nhiệm vụ của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân xuất

phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh: sự phát triển của cách mạng Việt Nam phải đi từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng. Lực lượng tiến hành khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng bao gồm: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; trong đó, lực lượng chính trị quần chúng là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Với tư tưởng đó, trong Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: “Nhiệm vụ mà đoàn thể ủy thác cho chúng ta là nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. *Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến*, nhiệm vụ ấy có tính chất là một nhiệm vụ giao thời. Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này”⁵.

Ra đời và hoạt động với phương châm “tuyên truyền trọng hơn tác chiến”, “chính trị trọng hơn quân sự”, song điều đó không có nghĩa là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chỉ làm công tác tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng, mà còn là đội quân chủ lực, vừa đánh giặc, vừa làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động cách mạng trong quần chúng nhân dân; dìu dắt, giúp đỡ các đội vũ trang của các châu, huyện, xã về huấn luyện, vũ khí, trang bị, giúp các đội vũ trang ấy ra đời và mau chóng phát triển. Đội gắn hoạt động quân sự với chính trị, vũ trang với tuyên truyền, tham gia vận động quần chúng, tổ chức hội Việt Minh ở những nơi Đội hoạt động, công tác.

Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh “trong vòng một tháng sau khi thành lập phải hoạt động”, “trận đầu

nhất định phải thắng”; Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã tổ chức liên tiếp hai trận đánh đồn Phai Khắt (25-12-1944)⁶ và đồn Nà Ngàn (26-12-1944)⁷. Đây là hai trận đánh mở đầu truyền thống đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng trận đầu và kết hợp khôn khéo giữa “mưu và lược” của bộ đội Việt Nam trong chiến đấu. Sau đó, Đội tiến hành chấn chỉnh, phát triển lực lượng; đồng thời, tiếp tục đặt kế hoạch mở rộng tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, đề ra biện pháp phát triển công tác vũ trang tuyên truyền. Với phương châm: trước khi đánh phải tính đến mục đích tuyên truyền; sau khi đánh phải tìm cách phát huy chiến thắng bằng công tác tuyên truyền, giác ngộ chính trị, làm cho nhân dân tin ở sức mạnh của cách mạng, nên đi tới đâu, Đội cũng phát truyền đơn, viết khẩu hiệu và tổ chức các cuộc mít tinh tuyên truyền chính sách của Việt Minh, tuyên truyền chiến thắng; khi có điều kiện và cần thiết thì sẽ mở những trận đánh nhỏ để gây thanh thế. Ngoài ra, Đội còn phát hành tờ báo “Tiếng súng reo” bằng nhiều thứ tiếng để tuyên truyền ra các tổ chức quần chúng khác. Sự xuất hiện của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với hai chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngàn đã tác động mạnh mẽ, gây hoang mang, lo sợ trong hàng ngũ quân địch; đồng thời, cổ vũ tinh thần cách mạng của quần chúng, gấp rút chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ đập tan ách áp bức của thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

Sự ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là tất yếu lịch sử, đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt trên con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của

Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời và hoạt động của Đội là sự vận dụng sáng tạo nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, nguyên tắc nhất quán về xây dựng đội quân chủ lực đầu tiên là phải “người trước, súng sau”, “chính trị trọng hơn quân sự” và mọi hoạt động quân sự phải lấy “chính trị làm gốc”. Chính trị đó chính là phương hướng, bản chất giai cấp công nhân được thể hiện trong đường lối chính trị của Đảng trong xây dựng quân đội. Việc xây dựng đội quân chủ lực tất yếu phải xuất phát từ đường lối chính trị của Đảng và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Chính vì tuân thủ nguyên tắc ấy mà Quân đội nhân dân Việt Nam - tiền thân là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã phát triển nhanh chóng về mọi mặt và luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; “càng đánh càng mạnh”, là lực lượng nòng cốt trong chiến tranh nhân dân, đã đánh thắng hai đế quốc lớn, giải phóng dân tộc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Những bài học về tổ chức, xây dựng và hoạt động của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đến nay còn nguyên giá trị; cần được tiếp tục kế thừa, phát triển trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Theo đó, phải thường xuyên coi trọng xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, đảm bảo cho Quân đội luôn là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung

thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi tình huống.

1 - Hồ Chí Minh- Toàn tập, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 114.

2 - Sđd, Tập 3, tr. 539.

3 - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng tập Hồi ký, Tập 1, Nxb QĐND, H. 2006, tr. 84.

4 - Chi bộ Đội gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, do Xích Thắng làm Bí thư.

5 - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng tập Hồi ký, Tập 1, Nxb QĐND, H. 2006, tr. 89.

6 - Diệt và bắt sống 18 tên địch, thu 17 súng và toàn bộ trang bị.

7 - Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, thu 17 súng các loại.

Thượng tá, Ths. Nguyễn Quang Hợp /
<http://tapchiquptd.vn>

LỄ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

Thực hiện Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân của lãnh tụ Hồ Chí Minh, 17h ngày 22/12/1944, tại triền núi Dền Sinh, nhánh núi Slam Cao thuộc dải Khau Giáng (rừng Trần Hưng Đạo), tổng Hoàng Hoa Thám (xã Tam Kim), châu Nguyên Bình, Lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (VNTTGPQ) được tiến hành.



Nhà bia trung tâm tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, xã Tam Kim (Nguyên Bình), nơi thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Dưới tán lá rừng già xanh thắm, 34 đội viên mang súng bên mình, xếp thành ba hàng dọc nghiêm trang trước lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Tham dự buổi lễ có đại biểu Liên Tỉnh ủy Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn, đại diện các đoàn thể Cứu quốc và đại biểu tiêu biểu đại diện cho nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông của châu Nguyên Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn.

Trong giờ phút thiêng liêng, đứng trên kỳ đài trước hàng quân, đồng chí Võ Nguyên Giáp được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ chỉ huy và tuyên bố thành lập, nêu rõ nhiệm vụ của Đội VNTTGPQ đối với Tổ quốc: "... Giải phóng quân là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh, là một đội quân giàu tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Kinh nghiệm của chúng ta còn non nhưng có làm mới có kinh nghiệm và làm tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin ở thắng lợi... Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh,

tôi xin tuyên bố Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu”.

Sau đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp long trọng đọc *Mười lời thề danh dự*, sau mỗi lời thề, các đội viên nghiêm trang giơ tay tuyên thệ, hô vang “*Xin thề*”. Đại diện Liên Tỉnh ủy, các tổ chức Hội Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, lực lượng vũ trang địa phương đọc lời chào mừng Đội ra đời, tin tưởng Đội sẽ hoàn thành nhiệm vụ mà Đoàn thể giao phó.

Toàn đội được biên chế thành ba tiểu đội, Đội trưởng là đồng chí Trần Văn Kỳ (bí danh Trần Sơn Hùng, Hoàng Sâm), dân tộc Kinh, quê ở Lệ Sơn, huyện Tuyên Hóa (Quảng Bình); đồng chí Dương Mạc Thạch (bí danh Xích Thắng), dân tộc Tày, quê Minh Tâm, Nguyên Bình (Cao Bằng) làm Chính trị viên; đồng chí Hoàng Văn Xiêm (bí danh Ngô Quốc Bình, Hoàng Văn Thái), dân tộc Kinh, quê Tây An, Tiền Hải (Thái Bình) phụ trách kế hoạch - tình báo. Chiến sĩ của Đội gồm những người con

ưu tú của 6 tỉnh, trong đó, Cao Bằng 25 đồng chí (Tày 16, Nùng 6, Kinh 1, Dao 1, Mông 1), Bắc Kạn 3 đồng chí, Thái Nguyên 2 đồng chí, Quảng Bình 2 đồng chí, Lạng Sơn 1 đồng chí, Thái Bình 1 đồng chí; toàn Đội đặt dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng do đồng chí Dương Mạc Thạch làm Bí thư.

Buổi lễ kết thúc, các đội viên và đại biểu bữa cơm nhạt không rau, không muối bên cạnh nơi thành lập để nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng. Sau bữa cơm là đêm du kích đầm ầm, cảm động với những nội dung chính trị sâu sắc. Các đội viên, đại biểu vô cùng phấn khởi và tin tưởng vào tiền đồ tươi sáng của Đội.

Vừa mới ra đời, Đội VNTTGPQ đã lập công xuất sắc, tiêu diệt gọn hai đồn Phai Khắt, Nà Ngần, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh trước khi thành lập Đội: “*Trận đầu ra quân phải đánh thắng*”.

Lê Chí Thanh /
<http://www.baocaobang.vn>

BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Thượng tướng Song Hào-một cán bộ ưu tú của Đảng, nhà chính trị, quân sự tài năng, có nhiều đóng góp to lớn đối với sự trưởng thành và lớn mạnh của Quân đội ta, trong đó đồng chí khẳng định những nội dung cơ bản về phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam.

QĐND Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, xây dựng, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện; mang bản chất giai cấp công nhân (GCCN), có tính nhân dân và dân tộc sâu sắc. Theo Thượng tướng Song Hào, bản chất đó được thể hiện qua “trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có ý chí quyết chiến quyết thắng rất cao, anh dũng

chiến đấu, cần cù lao động, tận tụy công tác; thông minh sáng tạo trong hành động; đoàn kết nội bộ chặt chẽ, dân chủ tốt, kỷ luật nghiêm, đoàn kết quân dân thắm thiết; đoàn kết quốc tế chí nghĩa chí tình; ham học tập, cầu tiến bộ; tích cực rèn luyện, không ngừng nâng cao bản chất cách mạng và năng lực hành động; chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, cần kiệm liêm chính trong xây dựng và chiến đấu, làm tròn nhiệm vụ, đánh thắng mọi kẻ thù”.

Bản chất và truyền thống cách mạng của QĐND Việt Nam là sự tiếp nối và phát huy truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, được các thế hệ cán bộ, chiến sĩ củng cố và phát huy, đồng thời, “thấm nhuần bản chất cách mạng kiên quyết, triệt để của GCCN mà Đảng là đội tiên phong”, trở thành một nét đặc trưng riêng có của QĐND Việt Nam.



Thượng tướng Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị (hàng đầu, thứ ba từ trái sang) cùng đoàn cán bộ trong chuyến công tác tại Khu 4, năm 1965. Ảnh tư liệu.

Luận giải về bản chất, truyền thống cách mạng của QĐND Việt Nam, Thượng tướng Song Hào khẳng định:

Thứ nhất, Quân đội ta luôn trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân.

Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, bởi QĐND Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo. Đảng ta đã trang bị cho quân đội bản chất cách mạng của GCCN; vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối nghệ thuật quân sự của Đảng, của chiến tranh nhân dân vào rèn luyện quân đội. Đảng mang truyền thống đấu tranh anh hùng của dân tộc để bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ và đem truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng giáo dục, tăng cường đoàn kết nội bộ quân đội, đoàn kết quân dân và đoàn kết quốc tế. Thượng tướng Song Hào chỉ rõ, Quân đội ta là “một đội quân cách mạng, một đội quân kiểu mới do Đảng ta, một Đảng mác-xít - lê-nin-nít chân chính xây dựng, lãnh đạo và giáo dục”. Do đó, cần phải “đặt quân đội dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội”. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và bản chất GCCN, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc, quyết định sự trưởng thành và lớn mạnh của QĐND Việt Nam.

Cũng theo Thượng tướng Song Hào, biểu hiện rõ nét của lòng trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân là: Quân đội ta phải kiên quyết thực hiện thắng lợi đường lối chính trị-quân sự, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của quân đội; luôn nêu cao tinh thần kiên quyết, tích cực, chủ động tiến công địch và xây dựng mình theo đường lối, nguyên tắc của Đảng; luôn kính trọng, quý mến và giữ nghiêm kỷ luật với nhân dân, coi việc giúp đỡ nhân dân, bảo vệ nhân dân là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình... Lòng trung thành tuyệt đối của quân đội

với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa vừa là một phẩm chất cao quý của quân đội cách mạng, vừa là cội nguồn sức mạnh, làm nên những chiến thắng vang dội của QĐND Việt Nam trong các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập dân tộc, hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

Thứ hai, có ý chí chiến đấu quyết thắng, anh dũng chiến đấu, cần cù lao động, tận tụy công tác, thông minh sáng tạo.

Truyền thống quyết chiến quyết thắng của QĐND Việt Nam bắt nguồn từ lòng tin tưởng tuyệt đối vào lý tưởng và mục tiêu cách mạng cao quý, vào con đường và phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng; từ ý chí “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, từ tinh thần cách mạng triệt để, tư tưởng cách mạng tiến công của GCCN kết hợp với truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất của dân tộc ta. Đó là sự tiếp nối, phát triển từ truyền thống đấu tranh anh hùng của dân tộc, của giai cấp, của Đảng, là sự kết tinh tinh thần yêu nước, chung đúc ý chí cách mạng kiên cường và tinh thần sáng tạo của các LLVT nhân dân.

Truyền thống quyết chiến quyết thắng của QĐND Việt Nam được thể hiện ở quyết tâm “đâu có giặc là ta cứ đi”; bất cứ nơi nào Tổ quốc cần, Quân đội ta đều có mặt. Thượng tướng Song Hào cho rằng, Quân đội ta phải không ngừng được rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, mưu trí và sáng tạo trong chiến đấu, tìm ra cách đánh phù hợp với điều kiện vũ khí trang bị, tổ chức chiến trường và truyền thống đánh giặc của tổ

tiên; phải biết đánh giá đúng kẻ địch, tìm cách hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch để đánh địch, luôn nêu cao tinh thần mưu trí, dũng cảm và táo bạo, khiến địch bất ngờ, giành thế chủ động trên chiến trường, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng, dẫn đến thất bại. Ý chí quyết chiến quyết thắng của QĐND Việt Nam còn thể hiện rõ trong lao động sản xuất và công tác. Thực hiện bất cứ nhiệm vụ gì, trong bất luận hoàn cảnh nào, cán bộ, chiến sĩ cũng luôn dũng cảm, cần cù, tận tụy, đem hết tinh thần, sức lực, trí tuệ, tài năng, kiên quyết hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ.

Thứ ba, đoàn kết nội bộ chặt chẽ, dân chủ tốt, kỷ luật nghiêm.

Đoàn kết thống nhất trong QĐND Việt Nam là cơ sở để xây dựng và phát triển. Thượng tướng Song Hào khẳng định: “Quân đội ta luôn luôn đoàn kết chặt chẽ như keo sơn; cán bộ, chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, trên dưới một lòng, đồng cam cộng khổ, thường xuyên thực hiện dân chủ, không ngừng đề cao kỷ luật tự giác nghiêm minh, thống nhất ý chí, thống nhất hành động”. Truyền thống đoàn kết, dân chủ, kỷ luật của Quân đội ta kế thừa truyền thống đoàn kết dân tộc, ý chí đoàn kết, thống nhất hành động của Đảng, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Theo Thượng tướng Song Hào, Quân đội ta luôn đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở đường lối, chủ trương, nguyên tắc của Đảng, lợi ích của nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của quân đội, trên cơ sở mối quan hệ bình đẳng về chính trị và tình thương yêu giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa cấp trên và cấp dưới. Toàn quân kết thành một khối thống nhất, vững

chắc. Để thực hiện được điều đó, cán bộ, chiến sĩ phải luôn chân thành giúp đỡ lẫn nhau, lấy lý tưởng, mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ cách mạng, lấy kinh nghiệm chiến đấu, công tác và cuộc sống để bồi dưỡng lẫn nhau, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với tăng cường đoàn kết nội bộ là phát huy dân chủ, rèn luyện kỷ luật trong quân đội; dân chủ thể hiện mối quan hệ bình đẳng về chính trị trong QĐND Việt Nam. Trên cơ sở lấy kỷ luật làm sức mạnh của quân đội, Thượng tướng Song Hào chỉ rõ, trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào, Quân đội ta cũng phải giữ nghiêm kỷ luật. Cán bộ, chiến sĩ quân đội phải phục tùng sự lãnh đạo, chỉ huy, triệt để chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, làm tròn chức trách, nhiệm vụ của quân nhân; chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội; kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Thượng tướng Song Hào khẳng định: “Kỷ luật của Quân đội ta vừa nghiêm minh, vừa tự giác”.

Thứ tư, đoàn kết quân dân gắn bó.

Theo Thượng tướng Song Hào, QĐND Việt Nam từ nhân dân mà ra, do đó Quân đội ta “luôn luôn đoàn kết khăng khít với nhân dân; toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; dựa vào dân, được nhân dân chăm sóc, giáo dục, phối hợp cùng nhân dân chiến đấu; hết lòng bảo vệ, quý trọng và giúp đỡ nhân dân”. Truyền thống quý báu đó được hình thành ngay từ khi Quân đội ta mới ra đời và phát triển không ngừng trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành; thể hiện tình cảm quân dân “như cá với nước”.

Không chỉ chiến đấu vì dân, Quân đội ta luôn biết dựa vào dân, luôn thương yêu, quý trọng, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với nhân dân; thường xuyên chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, giúp đỡ và bảo vệ nhân dân; tiết kiệm của cải, kết hợp với tăng gia sản xuất để giảm việc đóng góp của nhân dân. Đúc kết mối quan hệ thắm thiết giữa quân đội và nhân dân, Thượng tướng Song Hào khẳng định: “Đoàn kết quân dân là một hình ảnh đẹp, đầy tự hào của toàn quân ta, toàn dân ta. Đó là sức mạnh to lớn của Quân đội ta. Giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu ấy là để không ngừng tăng cường sức mạnh chiến đấu của quân đội, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng của mỗi cán bộ, chiến sĩ ta”.

Thứ năm, đoàn kết quốc tế chí nghĩa chí tình.

Nắm vững quan điểm, chủ trương đoàn kết quốc tế “giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình” của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thượng tướng Song Hào chỉ rõ: Quân đội phải “coi sự nghiệp cách mạng của nhân dân nước bạn như sự nghiệp cách mạng của bản thân dân tộc mình, có sự cảm thông sâu sắc với các dân tộc và giai cấp bị áp bức bóc lột trên thế giới, thấy được sự quan hệ mật thiết giữa phong trào cách mạng các nước nói chung và các nước Đông Dương nói riêng”, đồng thời, “quyết tâm hy sinh chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế”. Toàn quân và từng cán bộ, chiến sĩ phải nêu cao nhận thức, đoàn kết quốc tế không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ mà đã trở thành ý thức và tình cảm sâu sắc, không những trong tư tưởng mà còn bằng hành động, bằng sự hy sinh xương máu của mình. Theo Thượng tướng Song Hào, truyền thống

đoàn kết quốc tế của QĐND Việt Nam vừa thể hiện ở quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc Việt Nam, vừa hết lòng ủng hộ phong trào cách mạng thế giới; triệt để ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa, đặc biệt là với cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia.

Thứ sáu, ham học tập, cầu tiến bộ, tích cực rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hành động

Thượng tướng Song Hào chỉ rõ: “Quân đội ta luôn nêu cao tinh thần học tập, cầu tiến bộ, tích cực rèn luyện, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu, năng lực công tác, trình độ làm chủ khoa học-kỹ thuật”. Đó là nghĩa vụ, trách nhiệm, tiêu chuẩn, thành tích của người quân nhân cách mạng. Do vậy, cán bộ, chiến sĩ quân đội phải chú trọng học tập, rèn luyện về chính trị tư tưởng và tổ chức, đường lối chính trị và quân sự của Đảng, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và cả về những kiến thức văn hóa, khoa học-kỹ thuật; đồng thời, nghiêm khắc phê phán thái độ đi ngược lại bản chất, truyền thống cách mạng của Quân đội ta... Theo Thượng tướng Song Hào, đó là quá trình “phấn đấu hết sức kiên trì, bền bỉ, anh dũng và đầy sáng tạo của toàn quân ta”, để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, trình độ chính trị tư tưởng, năng lực lãnh đạo, chỉ huy và trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, nâng cao sức mạnh chiến đấu toàn diện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quân đội.

Để tiếp tục xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ

và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, việc tiếp tục giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của Quân đội ta có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó không chỉ là trách nhiệm của riêng quân đội mà còn là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cấp, mọi ngành, mọi lực lượng, của cả hệ thống chính trị, trong đó QĐND Việt Nam là nòng cốt. Bản chất và truyền thống cách mạng là cội nguồn sức mạnh chiến đấu, là tài sản vô giá của quân đội trong công cuộc xây dựng và chiến đấu trước đây, hiện nay cũng như mãi mãi sau này. Giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của quân đội, chúng ta sẽ tạo nên sức mạnh phi thường, cổ vũ, thúc đẩy Quân đội ta tiến lên giành thắng lợi mới trong giai đoạn cách mạng mới. Như lời Thượng tướng Song Hào từng khẳng định: “Việc phát huy truyền thống quý báu đó vẫn là nhân tố quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng và chiến đấu của Quân đội ta thành công và thắng lợi. Do đó, bất luận trong hoàn cảnh, thời gian nào, cán bộ, chiến sĩ quân đội cũng phải đem hết sức lực và trí tuệ của mình góp phần vào việc xây đắp nên truyền thống vẻ vang của quân đội, có trách nhiệm kế thừa, phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của QĐND Việt Nam. Đặc biệt, chúng ta “phải biến lòng tin, niềm tin tự hào về bản chất và truyền thống của Quân đội ta thành hành động cách mạng một cách tích cực nhất và anh dũng nhất”.

Đại tá, TS Nguyễn Hoàng Nhiên (Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam)

// <http://www.qdnd.vn>

NGUYỄN THỊ CHIÊN - NỮ ANH HÙNG ĐẦU TIÊN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, thời kỳ nào cũng có những tấm gương phụ nữ anh hùng. Tiếp nối những trang sử hào hùng của phụ nữ Việt Nam, trong thời đại Hồ Chí Minh, người phụ nữ Việt Nam đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là Nguyễn Thị Chiên.



Anh hùng Nguyễn Thị Chiên cùng chồng là Đại tá Vũ Anh Tài ôn lại kỷ niệm kháng chiến.

Bà được phong tặng danh hiệu cao quý này tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất tổ chức tại Việt Bắc ngày 1/5/1952. Năm ấy, Nguyễn Thị Chiên mới 22 tuổi, là nữ du kích duy nhất được chọn đi báo cáo điển hình tại Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Chiên sinh năm 1930 tại xóm Trại Đồng, xã Tân Thuật, nay là thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương. Nhà bà có năm anh chị em, bà là út. Gia cảnh khó khăn, sinh bà hôm trước hôm sau người mẹ đã phải ủ con trong gio bếp cho nóng để đi làm thuê, làm mướn. Nạn đói năm 1945 đã lần lượt cướp đi bốn anh chị của bà. Như

cây non trồng trong đất cằn, bà lần hồi lớn lên từ dòng sữa của người mẹ. Đến lúc biết chui qua lỗ thủng của vách bếp thì bà đã phải đi ở mướn, bế con cho nhà giàu trong làng để kiếm ăn. Hai mạng sườn, hai cánh tay sưng tím bởi bị con nhà người ta cào cào. Cơ cực đủ đường.

Con đường trở thành đội viên du kích của bà Nguyễn Thị Chiên rất tự nhiên và tự phát. Sau phong trào tiếng trống Tiền Hải năm 1930, Thái Bình trở thành điểm nóng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Mặc dù bị địch vây hãm, đàn áp nhưng phong trào ở đây không vì thế mà yếu đi. Mạng lưới cách mạng được nối nhịp, dựng xây, huyện Kiến Xương được chọn làm nơi hoạt động, đi về của các chiến sĩ cách mạng, của binh đoàn chủ lực. Do nhanh nhẹn và có chí khí từ bé, bà được các anh, các chị "rủ" vào du kích. Ngày ấy, bà cũng chẳng biết du kích là gì, chỉ biết đó là lực lượng ở địa phương, giúp các lãnh tụ, các lực lượng cách mạng đánh đuổi thực dân Pháp, giúp dân nghèo không phải làm nô lệ, có ruộng và có cái ăn. Thế là bà thích và tham gia. Ban ngày đi làm thuê cuốc mướn, tối về nhà loanh quanh cám lợn, cám gà xong bà lại giả vờ tắt đèn đi ngủ, sau đó lén đến chỗ các anh, các chị du kích tập luyện và làm công việc các anh, các chị phân công: hôm thì lấy truyền đơn mang rải, hôm thì được giao nhiệm vụ canh gác bảo vệ vòng ngoài cho các cơ sở bí mật, bữa thì được giao công việc nguy hiểm và đòi hỏi nghiệp vụ hơn là đi trinh sát phát hiện nơi ém quân của địch để

báo cho du kích và các đơn vị bộ đội biết đề phòng và đánh địch.

Công việc cách mạng đến với Nguyễn Thị Chiên cứ ngày này qua ngày khác. Lúc này, Kiến Xương bị thực dân Pháp liệt vào "điểm nóng", cần phải tiêu diệt. Ngoài in rải truyền đơn, thành lập và mở rộng hoạt động du kích, bà còn cùng anh em khuấy nhiễu và phá hủy các đồn bót của địch. Thời gian đó, các đại đoàn chủ lực của ta còn thiếu vũ khí nên vũ khí của du kích cũng chủ yếu là vũ khí thô sơ, tự tạo là chính. Bà vận động anh chị em ngoài việc cướp súng, lấy súng của địch cho bộ đội chủ lực còn tự trang bị vũ khí cho mình. Ngoài hoạt động khuấy nhiễu địch, bà còn cùng chị em du kích trong xã sang các tỉnh, huyện lân cận để tăng cường hoạt động khuấy nhiễu. Bà không thể quên được những lần chèo thuyền làm phao kẹp vào nách bơi vượt sông Hồng sang Nam Định khuấy nhiễu đồn bót địch. Đi an toàn, về an toàn trong những đợt khuấy nhiễu địch đã làm tăng thêm bản lĩnh và nổi dài chiến công của nữ du kích Nguyễn Thị Chiên.

Trong thời gian hoạt động du kích, ngoài những lần cải trang, lọt qua sự kiểm soát nghiêm ngặt của địch để đưa công văn, thư từ, đưa cán bộ ra vào an toàn, bà nhớ nhất là lần phối hợp với Đại đội 44, Tiểu đoàn 680, Đại đoàn 320 đánh lính Âu Phi trên đường 39. Chính ở trận này, dù chỉ tay không nhưng bà đã bắt được tên quan hai Pháp. Sau hai ngày lũng sức, tiểu đoàn lính Âu Phi của địch hầu như đã mệt mỏi. Để thể hiện ý chí của mình trước những "yếu kém" của Đại đội 44 quân cách mạng, tên quan hai Pháp đã quyết định "dã ngoại" chiến trường với hai tên lính cận vệ. Phát hiện được sự thiếu cẩn trọng này,

bà đã bám theo. Địch có ba tên mà bà chỉ có một, một suy tính nhanh chóng đến. Từ bụi chuối bên bờ mương, bà đồng dục hô như đang chỉ huy với một đội hình lớn mạnh trong tay. Nghe lời hô bắt thần, hai tên cận vệ đã bỏ tên quan hai Pháp chạy ra đường 39 còn bà thừa thế nhảy vào giật ngay khẩu súng tiểu liên trong tay tên quan hai chĩa vào hán bắt hàng rồi dẫn về giao nộp cho Đại đội 44. Tên quan hai Pháp bị bắt, cả tiểu đoàn Âu Phi rơi vào cảnh hỗn loạn. Đại đội 44 được giữ bí mật đến phút chót đã quyết định tấn công. Trận này ta thắng lớn. Ngoài tên quan hai Pháp bị bắt, tiểu đoàn lính Âu Phi cũng bị xóa sổ còn cái tên "Người phụ nữ tay không bắt giặc" cũng theo bà từ đó.

Tháng 4/1950, khi đưa cán bộ về hoạt động tại xã, bà bị địch bắt, giam cầm hơn ba tháng trời. Giặc hết dụ dỗ đến tra tấn dã man song người nữ du kích gan dạ vẫn cắn răng chịu đau, kiên trung, bất khuất không hề khai báo, đầu hàng. Những ngày ở lao tù này, bà nhớ nhất là những lần bị địch buộc tay chân vào một cây tre rồi đem vứt xuống sông, chờ bà sắp chết chúng lại vớt lên nhưng vẫn không moi được thông tin. Địch lại giả vờ đem bà đi bắn. Băng đen bịt mắt, tay chân buộc như tử tù, giặc nổ súng. Bà vẫn không sợ. Không khai thác được thông tin gì và cũng không có chứng cứ buộc tội, cuối cùng địch phải thả bà ra. Sức mạnh nào khiến một cô gái mới mười chín, đôi mươi lại có thể chịu đựng được những đòn tra tấn dã man của địch? Ngọn lửa nào đã nuôi dưỡng trái tim gan dạ sắt thép? Nguyễn Thị Chiên đã vượt qua tất cả những thử thách tra tấn tàn ác của giặc là nhờ trong tim bà luôn có hình ảnh của Bác Hồ. Nhiều năm sau, bà tâm sự: "Khi bị địch bắt tù đầy, nghĩ đến Bác Hồ, tôi một

lòng một dạ không khai. Tôi đã tự nghĩ trong đầu như thế này: Nếu địch bắn và mình nắm chắc cái chết thì sẽ hô: Hồ Chủ tịch muôn năm! Đảng Cộng sản muôn năm! Nhưng chúng bắn chỉ thiên sau khi hất tôi xuống sông. Mưu mô của giặc thất bại chính vì nhờ trong tim tôi luôn có Bác. Tôi cương quyết không khai và hy vọng sau này nếu kháng chiến thành công nhất định tôi sẽ được gặp Bác Hồ. Cuối cùng tôi đã chiến thắng".

Ra tù, Nguyễn Thị Chiên tiếp tục hoạt động du kích. Tháng 10/1951, trong trận phục kích đánh địch trên đường 39, bà bắn bị thương một tên địch, bắt sống sáu tên, thu bốn súng. Tháng 12/1951, khi địch lùng sục vào làng, bà chỉ huy du kích bất ngờ xông ra bắt sống bốn tên. Với thành tích trong kháng chiến chống Pháp từ năm 1946 đến năm 1952, tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến ở năm thôn, xây dựng và chỉ huy Đội du kích xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương đánh địch, chống càn, phá giao thông đường 39, phá tề, diệt và bắt nhiều địch, Nguyễn Thị Chiên đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, hai Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Năm 1952, bà vinh dự là đại biểu nữ du kích duy nhất được chọn đi báo cáo điển hình tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất tổ chức tại Việt Bắc ngày 1/5/1952. Với những đóng góp của mình, Nguyễn Thị Chiên đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Năm ấy bà mới 22 tuổi. Trở thành anh hùng đã là một kỳ tích, một niềm vinh dự và tự hào lớn lao đối với một cô gái. Vinh dự, tự hào hơn, tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc năm ấy, Nguyễn Thị Chiên đã

được gặp Bác Hồ, được thỏa lòng mong ước bởi trong những ngày bị địch cầm tù, tra tấn dã man, hình ảnh Bác là động lực giúp bà vượt qua hết thử thách mọi đau đớn, kiên trung, bất khuất trước đòn roi của chúng. Cũng như bao người một lần trong đời được gặp Bác, những mong gặp Bác để nói với Bác bao tình cảm, nỗi niềm kính yêu Bác trong lòng, ấy vậy mà khi gặp Bác rồi Nguyễn Thị Chiên lại không nói được gì, chỉ kịp thốt lên: Bác! Bác! rồi khóc. Trước những đòn tra tấn của địch, Nguyễn Thị Chiên không hề khóc, vậy mà sao thấy Bác là chị khóc. Mỗi một lúc sau bà mới trấn tĩnh lại, không khóc để ghi nhớ những lời Bác dặn để khi trở về sẽ báo cáo với anh em trong đơn vị. Những lời căn dặn của Bác là động lực lớn khích lệ các đồng chí quyết tâm vượt qua khó khăn, gian khổ, chiến đấu giành thắng lợi.

Cùng năm đó, một vinh dự nữa cũng đến với bà khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng khẩu súng ngắn của Người. Không những thế, bà còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài ca ngợi, tuyên truyền tấm gương gan dạ, dũng cảm và thành tích trong chiến đấu trên báo và trong nhiều hội nghị trong kháng chiến chống Pháp. Với bút danh C.B trên Báo Nhân Dân, Bác Hồ đã viết bài: "Nguyễn Thị Chiên". Bài báo viết: "Nữ trung đội trưởng du kích Nguyễn Thị Chiên là một cô nông, 22 tuổi, vào đội du kích từ 1946. Vùng chị Chiên thường bị giặc càn quét. Cơ sở tan rã. Nhân dân hoang mang. Chị cứ bám sát lấy dân, lập lại cơ sở chính quyền và đoàn thể, tổ chức một trung đội nữ du kích chống càn quét, bảo vệ làng. Bị bắt, bị tra tấn suốt 3 tháng, bị đưa ra bắn dọa 3 lần, chị vẫn bình tĩnh, không khai nửa lời. Vừa thoát được về, tuy mình đầy vết thương, chân đau không đi

được, chị cũng hoạt động lại ngay. Trong đợt thi đua từ 19/5 đến 19/12/1951, chị đã thắng 10 trận, tự tay tước được 15 súng và bắt sống 20 tên giặc (1 tên quan hai Pháp). Trong các trận, chị không hề bỏ sót một người thương binh nào. Trong vụ thuế nông nghiệp, chị đã thức 3 đêm liền, tuyên truyền giải thích từng nhà, từng người. Nhiều người lạc hậu, thấy chị thành khẩn, đều cảm động và trở nên hăng hái. Khi bắt được tên đồn trưởng (nó đã giết người anh của chị), chị giải thích chính sách khoan hồng của Chính phủ, rồi thả nó. Vì vậy, nó đã gọi nhiều người binh khác ra hàng. Chị Chiên, vì yêu nước, căm giặc, trung thành với đoàn thể, kiên quyết bám sát dân, luôn luôn thương yêu đồng đội, nắm vững và ra sức thi hành chính sách nên đã lập được công to, rất xứng đáng là Anh hùng Quân đội". (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, 2000, tr 505).

Trong "Bài nói tại buổi bế mạc Lớp chỉnh huấn cán bộ trí thức", Hồ Chủ tịch nhắc nhở: "Chín năm trước đây, nhân dân ta gồm cả trí thức ta, bị Tây khinh rẻ và gọi là "giống bẩn thỉu". Ngày nay, ta có những anh hùng như Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị và đang nảy nở hàng trăm chiến sĩ và anh hùng trong phong trào thi đua yêu nước". (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia 2000, tr 145-149). Khi viết bài "Người cán bộ cách mạng", vẫn với bút danh C.B, Hồ Chủ tịch lại nhắc đến: "Nữ anh hùng du kích Nguyễn Thị Chiên, mấy lần bị giặc bắt và tra tấn sống đi chết lại nhưng không hề lộ bí mật; mỗi

lần thoát khỏi tay địch, hoạt động càng thêm hăng". (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia 2000, tr 480-482).

Sau Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được cử tham gia đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hòa bình châu Á - Thái Bình Dương tại Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại hội Hòa bình thế giới tại Viên (Áo) cùng với các nhà trí thức Việt Nam như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, cư sĩ Lê Đình Thám, nhà giáo Đặng Chấn Liêu, nhạc sĩ Đỗ Xuân Oanh, Nguyễn Xuân Trâm, Anh hùng Ngô Gia Khảm... do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng đoàn. Năm 1953, Nguyễn Thị Chiên chính thức gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam. Với kinh nghiệm tổ chức và triển khai lực lượng du kích địa phương, bà đã được điều về Hà Nội với nhiệm vụ phụ trách và quản lý dân quân bốn huyện ngoại thành. Trong công tác mới, bà đã gặp ông Vũ Anh Tài, cán bộ Sư đoàn 320. Bà và ông nên duyên, sinh được một người con gái, đây cũng là người con gái duy nhất của họ. Đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông đi biên biệt, bà ở lại vừa công tác vừa nuôi con.

Sau nhiều năm công tác trong quân đội, năm 1984 bà Nguyễn Thị Chiên về hưu với quân hàm trung tá và thương tật hạng 4/4. "Người phụ nữ tay không bắt giặc" năm nào sống hạnh phúc bên con cháu trong căn nhà nhỏ tự cất nằm ngoài đê sông Hồng, sát chân cầu Long Biên.

// <http://baothaibinh.com.vn>

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Năm 2017 dự báo tình hình chính trị, an ninh thế giới sẽ diễn ra rất phức tạp, khó lường. Thế giới đang phát triển theo hướng đa cực, đa trung tâm, các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau. Hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực. Việt Nam đang là trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch thông qua chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Trong bối cảnh như vậy, việc xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là vấn đề mang tính tất yếu khách quan, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam.

Hiện nay trên thế giới, xu hướng chung là các nước xây dựng quân đội theo nguyên tắc “đủ, hợp lý, chất lượng cao” với những mục tiêu cụ thể: đổi mới lý luận quân sự; hiện đại hóa vũ khí trang bị; cải cách tổ chức quân đội, giảm quân số thường trực đến mức thấp nhất mà vẫn bảo đảm được an ninh quốc gia. Đối với Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII xác định phương hướng: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu

tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng quan trọng; vững mạnh về chính trị, nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân”. Với quan điểm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò ba thứ quân, lấy chất lượng là chính và xây dựng chính trị làm cơ sở.



Trung tướng Võ Minh Lương, UVTW Đảng, Ủy viên Quân ủy TW, Tư lệnh Quân khu 7 trao cờ của Bộ Quốc phòng cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2016. Ảnh: Tuấn Anh

Đảng ta xác định xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội cách mạng và sức chiến đấu của Quân đội. Quân đội nhân dân cách mạng là quân đội mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng là vấn đề cơ bản, quan trọng hàng đầu ở mọi giai đoạn cách mạng. Trong xây dựng Quân đội, luôn luôn quán triệt sâu

sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng. Đó là phương hướng chính trị chỉ đạo mọi hành động của Quân đội; làm cho Quân đội luôn kiên định mục tiêu chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân. Dân chủ rộng rãi, kỷ luật tự giác nghiêm minh, đoàn kết tốt; luôn luôn đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; có tinh thần quốc tế chân chính.

Quân đội nhân dân chính quy là mọi biểu hiện, mọi hoạt động của Quân đội luôn luôn thống nhất, có nền nếp dựa trên các chế độ, quy định, điều lệnh, điều lệ. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam chính quy là quá trình làm cho Quân đội luôn thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, nguyên tắc xây dựng Quân đội; tổ chức, biên chế, trang bị. Thống nhất về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo tác chiến, nghệ thuật quân sự, giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, nền nếp hoạt động, sinh hoạt, trang phục, ăn ở, lễ tiết tác phong quân nhân. Thống nhất về thực hiện các chế độ, quy định, điều lệnh, điều lệ, chức trách, nhiệm vụ, về quản lý bộ đội, vũ khí trang bị.

Xây dựng Quân đội nhân dân tinh nhuệ là mọi hoạt động của Quân đội trên mọi lĩnh vực đều đạt hiệu quả cao. Về chính trị là làm cho Quân đội luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường, quan điểm giai cấp công nhân; nhận thức rõ đúng, sai, bạn, thù, đối tác, đối tượng; xử trí, giải quyết đúng đắn mọi tình huống, sự việc. Về quân sự là làm cho quân đội sử dụng thành thạo các loại vũ khí, trang bị; linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên cường, đạt hiệu suất cao trong mọi hoạt động quân

sự, nhất là trong sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Xây dựng Quân đội nhân dân tinh nhuệ về tổ chức là làm cho Quân đội luôn có tổ chức chặt chẽ, biên chế gọn, chất lượng cao, sức cơ động và sức chiến đấu cao.



Trung tướng Phạm Văn Dỹ, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Quân khu 7 và Thiếu tướng Lê Bửu Tuấn, Phó Tư lệnh - TMT Quân khu tặng quà cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập năm 2016. Ảnh: Trần Tinh

Hiện đại hóa Quân đội là đòi hỏi tất yếu nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân đội. Xây dựng Quân đội nhân dân từng bước hiện đại là quá trình hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật của Quân đội gắn với đào tạo, rèn luyện quân nhân đáp ứng yêu cầu sử dụng tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại và tác chiến hiện đại. Thực hiện tốt đổi mới vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng ngày càng hiện đại của Quân đội gắn với đào tạo, rèn luyện quân nhân có bản lĩnh chính trị, có tri thức và năng lực đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại, không ngừng phát triển khoa học quân sự, công nghiệp quốc phòng... Từng bước về quy mô, phạm vi hiện đại hóa vũ khí, trang bị của Quân đội, còn trình độ hiện đại của vũ khí, trang bị phải tích cực, chủ động đi tắt đón đầu.

Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là nội dung quan

trọng trọng đường lối quốc phòng, đường lối quân sự của Đảng. Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến phức tạp, sự nghiệp xây dựng Quân đội đặt ra những yêu cầu mới cao hơn. Vì vậy, cần phải nhận thức rõ những yếu tố tác động đến quá trình xây dựng Quân đội, quán triệt sâu sắc mục tiêu, yêu cầu, nội dung chủ yếu và một

số giải pháp quan trọng trong xây dựng Quân đội. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội, đảm bảo cho Quân đội luôn xứng đáng là lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Đặng Bình /
<http://www.baoquankhu7.vn>

CHÀNG TRAI 20 TUỔI THA THIẾT VÀO QUÂN ĐỘI

Tha thiết được tình nguyện thi hành nghĩa vụ quân sự, năm 2016 thanh niên trẻ Lê Khắc Tôn tròn 20 tuổi ở thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã La Gi mạnh dạn nộp đơn tại xã nhưng vì sức khỏe không đạt yêu cầu nên bị loại. Bản thân Tôn rất buồn, vì một số bạn bè đã lên đường nhập ngũ, mà mình chỉ vì lý do sức khỏe kém hơn.



Lê Khắc Tôn (ảnh) quyết định xin vào lực lượng dân quân cơ động, ứng trực tại cơ quan quân sự xã, tham gia học tập quân sự tại địa phương, để có

điều kiện rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực, chuẩn bị cho đợt tuyển quân kế tiếp. Gần một năm phục vụ trong hàng ngũ dân quân cơ động địa phương, anh được đánh giá là một dân quân rất năng nổ, nhiệt tình, hoàn thành tốt mọi công việc được giao. Đợt tuyển quân năm 2017, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự địa phương xét và chấp nhận đơn tình nguyện gia nhập quân đội của Tôn. Rất phấn khởi và vui mừng, Tôn chia sẻ: Được phục vụ trong quân đội, em nguyện sẽ cố gắng phấn đấu, rèn luyện để trưởng thành và muốn phục vụ lâu dài.

Được biết, gia đình Tôn rất khó khăn, ba mẹ đều làm nông. Lên lớp 9 Tôn phải nghỉ học để phụ giúp gia đình. Bản thân luôn ý thức về trách nhiệm của một thanh niên đối với đất nước, Tôn luôn tham gia nhiệt tình các phong trào thanh niên tại địa phương.

Lê Long /
<http://www.baobinhthuan.com.vn>

LUỒN SÂU, ĐÁNH HIỂM CỦA BỘ ĐỘI TRINH SÁT

Huấn luyện nâng cao trình độ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu là nhiệm vụ then chốt của quân đội trong thời bình. Với cán bộ, chiến sĩ Đại đội Trinh sát 5 thuộc Bộ CHQS tỉnh Bình Thuận, nhiệm vụ huấn luyện được đơn vị quan tâm, chú trọng đặc biệt.



Chứng kiến tình huống “phục kích bắt tù binh” trong diễn tập vòng tổng hợp cuối năm 2016 của cán bộ, chiến sĩ Đại đội Trinh sát 5 mới thấy được sự “tinh nhuệ” của bộ đội. Không gì khác phải ngày đêm miệt mài khổ luyện mới nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Thực hành nội dung huấn luyện phục kích bắt tù binh của Trung đội Trinh sát Đặc nhiệm thuộc Đại đội Trinh sát 5 Bộ CHQS tỉnh. Qua điều nghiên, tìm hiểu quy luật hoạt động của địch, các trinh sát vẽ bản đồ, xây dựng quyết tâm chiến đấu, tổ chức hội nghị quân sự để lấy ý kiến tập thể. Khi thực hành chiến đấu, sử dụng nghiệp vụ hóa trang, ẩn thân, phục kích, bắt ngờ không chế địch. Các bước ngụy trang, bôi vẽ, ẩn thân phải đúng như địa hình, địa vật; vận động vượt vật cản, luồn sâu đánh hiểm, được các chiến sĩ thực hiện nhanh, chuẩn xác từng động tác, ấy vậy nhưng

cũng không bằng các chiến sĩ ngâm ống, trằm mình sâu dưới nước hàng giờ liền chờ cơ hội diệt địch.

Hạ sĩ Lê Cao Thông tâm sự: “Ban đầu phải tập ngâm ống để hít vào, thở ra đều bằng miệng, tiếp đến là ngâm nước, rồi đến lặn. Thực hiện từng bước 1, thời gian tăng dần 5 phút, 10 phút, 1 giờ, 2 giờ. Ban đầu tham gia huấn luyện mệt lắm, người lờ, ngứa do ở lâu dưới nước. Ngán lắm, nhưng về sau càng học càng thấy thích. Mà thích nhất là khi vượt qua được tường cao cao, nhà cao tầng, hàng rào dây thép gai chằng chịt, ẩn thân trong đất, khi đã thành thạo sẽ tạo sự tự tin và rèn luyện bản lĩnh trong khi làm nhiệm vụ”.

Cách đánh truyền thống của bộ đội Trinh sát “Luồn sâu, đánh đau, đánh hiểm”, yếu tố này được Đại đội Trinh sát vận dụng, linh hoạt trong quá trình tổ chức huấn luyện cho bộ đội. Không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, ứng phó tốt với tình huống chiến tranh - không gì khác là sự khổ luyện, huấn luyện sát thực tế. Đại úy Trương Lê Anh Vũ, Đại đội trưởng Đại đội Trinh sát 5 cho biết: “Giai đoạn đầu năm, đơn vị tập trung huấn luyện võ thuật, kỹ thuật từng người. Giai đoạn cuối năm tập trung huấn luyện chiến thuật và phối hợp, hiệp đồng chiến đấu cấp trung đội, đại đội. Cuối cùng là tập từng bài theo như tình huống chiến đấu. Tính chất của các bài chiến thuật trinh sát, rất nhiều nội dung tập đêm, có bài hơn 50% nội dung huấn luyện đêm theo yêu cầu sát với điều kiện, địa hình thực tế trong chiến đấu. Võ đối kháng, đòn đánh hiểm; kỹ thuật leo, thả dây, trèo tường;

khắc phục vật cản; ngâm mình dưới nước; ngụy trang - là những nội dung huấn luyện nhiều năm nay đã làm nên “thương hiệu” cho Đại đội Trinh sát chúng tôi”.

2 ngày đêm chúng tôi theo chân các Trinh sát trong cuộc diễn tập vòng tổng hợp: Từ chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, hành quân di chuyển, đóng quân, bố trí trận địa phòng ngự, thực hành các bước đánh địch. Nội dung nào bộ đội cũng thuần thục, nhanh, gọn, nhịp nhàng. Theo tình huống của cuộc diễn tập, bộ đội phải thức dậy từ 3 giờ sáng để thực hiện các nội dung và kéo dài mãi cho đến tận khuya khi kết thúc nội dung tập “điều tra vị trí” mới ngủ. Chúng tôi đem chuyện thể lực, sức khỏe, sự dẻo dai của bộ đội ra trao đổi với các trung đội trưởng. Thượng úy Phan Văn Tiến, Trung đội trưởng Trung đội Trinh sát Đặc nhiệm cho biết: “Nội dung huấn luyện chủ yếu là chuyên ngành của trinh sát, ngoài những giờ huấn luyện chính khóa, đơn vị duy trì cán bộ, chiến sĩ rèn luyện thể lực vào giờ thứ 8 hàng ngày, sáng thứ bảy bằng các môn chạy dài, co tay xà đơn, vượt vật cản, hành quân xa. Vì duy trì thể lực tốt là một trong những điều

kiện cần thiết để đảm bảo an toàn trong huấn luyện. Như ở kỹ thuật leo, thả dây, nếu người học thể lực không tốt thì khó bám vật dụng leo lên; với đồng chí phụ trách bảo hiểm, thể lực không tốt cũng khó khăn giúp đồng đội tiếp cận mục tiêu”. Thượng úy Phan Nhật Huy, Trung đội trưởng Trung đội Trinh sát bộ đội chia sẻ thêm: “Ý thức tự giác huấn luyện, rèn luyện, tự học, tự rèn của anh em rất tốt. Ai cũng hiểu được, trong thực hiện nhiệm vụ của lính trinh sát, chỉ cần một chút dao động, không tập trung là mất an toàn cho mình và đồng đội ngay”. Trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay, đòi hỏi ở người chiến sĩ không những có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phải tinh thông về mọi mặt. Qua đây sẽ giúp họ có đủ tự tin, kỹ năng phản ứng tốt để sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Với những nỗ lực trong công tác huấn luyện, năm 2016 Đại đội Trinh sát 5 đạt đơn vị huấn luyện giỏi, 80% các khoa mục huấn luyện đạt giỏi, an toàn tuyệt đối. Đây cũng chính là kết quả của sự đoàn kết, quyết tâm toàn đơn vị.

Duy Thịnh/

<http://www.baobinhthuan.com.vn>

ĐẠI ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP 74: THỰC HIỆN TỐT NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN, BẢO QUẢN TRANG THIẾT BỊ, VŨ KHÍ

Nâng cao chất lượng huấn luyện, bảo quản tốt trang thiết bị vũ khí, khí tài là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Đại đội Tăng thiết giáp 74 (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) quan tâm thực hiện. Nhờ vậy, những năm qua

đại đội đã đạt nhiều thành tích nổi bật trong công tác này, góp phần hoàn xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đại úy Lương Sinh Viên, Chính trị viên Đại đội Tăng thiết giáp 74 cho biết, để làm tốt công tác huấn luyện, hàng

nằm trên cơ sở các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, Cấp ủy Đại đội đề ra nghị quyết chuyên đề về công tác huấn luyện. Đồng thời, đơn vị tổ chức quán triệt nghiêm túc chỉ lệnh về công tác huấn luyện. Qua đó giáo dục cho cán bộ chiến sĩ nhận thức sâu sắc hơn về công tác này. Để việc huấn luyện đạt kết quả cao, các mô hình cụ, xe, giáo án cũng được chuẩn bị chu đáo. Sau mỗi buổi huấn luyện đều có sự kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm. Những năm qua, với tinh thần thi đua, nỗ lực của toàn thể cán bộ, chiến sĩ công tác huấn luyện tại Đại đội Tăng thiết giáp luôn đạt kết quả cao.



Vệ sinh xe thiết giáp tại Đại đội Tăng thiết giáp 74. Ảnh Đinh Hòa

Thông qua diễn tập vòng huấn luyện có bắn đạn thật, hàng năm tại đơn vị có từ 75% trở nên cán bộ, chiến sĩ đạt giỏi, đạt và vượt chỉ tiêu mà nghị quyết cấp ủy đề ra. Mới đây trong Hội thi kỹ thuật tăng thiết giáp do Quân khu 7 tổ chức 5 năm một lần, Đại đội Tăng thiết giáp 74 đã xuất sắc đạt loại giỏi, được Tư lệnh Quân khu tặng bằng khen, một đồng chí của đại đội đạt giải nhất. Đây là kết quả rất đáng tự hào, là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực, cố gắng của toàn đại đội và cũng là minh chứng rõ nét nhất cho chất lượng huấn luyện của đại đội.

Thượng úy Ngô Ngọc Trung - Đại đội phó kỹ thuật đơn vị cho biết, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cùng với công tác huấn luyện, việc bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị cũng rất quan trọng. Do vậy, các điều lệnh, điều lệ công tác kỹ thuật tăng thiết giáp được đơn vị thường xuyên tổ chức quán triệt cho cán bộ chiến sĩ. Tất cả các khâu như: kiểm tra và đồng bộ vũ khí, trang bị kỹ thuật của xe thiết giáp, bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, tu bổ, vệ sinh khu kỹ thuật, kiểm tra hệ thống nhiên liệu, khả năng làm việc của xe... đều được thực hiện nghiêm túc. Qua đó, đảm bảo sẵn sàng khi có lệnh là xuất kích được ngay. Với những thành tích đã đạt được, những năm qua Đại đội Tăng thiết giáp đã được tặng nhiều bằng khen, giấy khen trong phong trào thi đua quyết thắng.

“Để giữ vững và phát huy những thành tích đã đạt được, trong thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục quán triệt sâu kỹ Nghị quyết 765 của Quân ủy Trung ương về “Nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo”. Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 27 và Chỉ thị 30 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đảm bảo quân số, duy trì nghiêm chế độ trực, nhất là công tác trực sẵn sàng chiến đấu trong các đợt cao điểm. Quán triệt cán bộ, chiến sĩ chấp hành nghiêm mọi quy định của đơn vị, kỷ luật quân đội...” - Đại úy Lương Sinh Viên cho biết thêm.

Trần Đình /

<http://www.baobinhthuan.com.vn>